Form 08_CBTT/SGDHN

(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ……, 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
MASAN CONSUMER CORPORATION	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---	**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
	Independence - Freedom - Happiness

Số: 4074/2025/CV-MSC	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2025*
No: /	*……, day ... month ... year ……*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: State Securities Commission
Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization:* CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

- Mã chứng khoán/*Stock code:* MCH
- Địa chỉ/*Address:* Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* 028. 62555660 Fax: 028. 38109463
- E-mail: information@msc.masangroup.com

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

- Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 14/2025/NQ-HĐQT-MSC và số 15/2024/NQ-HĐQT-MSC ngày 04/07/2025 liên quan đến việc phát hành ESOP.
  Board Resolutions No. 14/2025/NQ-HDQT-MSC and No. 15/2024/NQ-HDQT-MSC dated 04/07/2025 related to ESOP issuance.

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04/7/2025 tại đường dẫn https://www.masanconsumer.com/category/shareholder-shareholder//*This information was published on the company's website on 4 July 2025, as in the link https://www.masanconsumer.com/category/shareholder-shareholder/.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 1, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302017440
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-07-04 17:02:02

**** Tài liệu đính kèm/Attached documents:***
Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người UQ CBTT
Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

M.S.D.N:0302017440-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Thị Hoàng Yến

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	------oOo------
Số: 14./2025/NQ-HĐQT-MSC	
	TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("**Công ty**") ngày 25/4/2025 (được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm) ("**Điều lệ**");
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 25/4/2025 ("**Nghị Quyết ĐHĐCĐ TN 2025**"); và
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số .14.../2025/BBKP-HĐQT-MSC ngày 04../7/2025 về việc xin ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (chương trình ESOP) theo Điều 9 của Nghị Quyết ĐHĐCĐ TN 2025 như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty: 1.051.449.434 cổ phần.
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành theo chương trình ESOP: 5.256.000 cổ phần, tương đương 0,4999% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần.
- Nguồn cổ phiếu phát hành: phát hành cổ phần mới
- Đối tượng phát hành: là nhân viên của Công ty và các công ty con có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty, các công ty con.
- Các tiêu chuẩn xác định cổ phiếu được phân phối cho từng người lao động: Quy định tại Quy chế Chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025.
- Nguyên tắc và tiêu chí xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng: Quy định tại Quy chế Chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025.

- Xử lý số lượng cổ phần không phân phối hết: sau khi kết thúc thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phần, nếu nhân viên không mua hết số lượng cổ phần dự kiến phát hành thì số cổ phần không mua sẽ không được tiếp tục chào bán, chỉ ghi nhận số lượng đăng ký mua thực tế.

- Thời gian thực hiện: trong năm 2025 hoặc 4 tháng đầu năm 2026, phù hợp với quy định của pháp luật và công bố thông tin theo quy định.

- Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngày kết thúc việc thu tiền của người lao động).

Điều 2: Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 50% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phiếu phát hành cho người lao động là người nước ngoài theo chương trình ESOP dự kiến chiếm 0,59% tổng số lượng cổ phần ESOP dự kiến phát hành theo phương án nêu tại Điều 1.

- Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50% theo quy định, Công ty sẽ chủ động phân phối cổ phiếu và phối hợp cùng Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") thực hiện phát hành cổ phiếu cho Người lao động đảm bảo việc đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định pháp luật.

Điều 3: Thông qua kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành: số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến là 52.560.000.000 đồng sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh thông qua việc bổ sung vốn lưu động của Công ty, cụ thể để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, bao bì, chi phí quảng cáo, chi phí lương và các chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

Điều 4: Giao cho Ông Danny Le – Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Ông Trương Công Thắng – Tổng Giám đốc:

1. quyết định thời điểm thực hiện và các bộ hồ sơ nộp cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình ESOP;

2. ghi nhận số lượng đăng ký mua thực tế, không tiếp tục chào bán cổ phần không mua hết (nếu có) theo nguyên tắc quy định tại Điều 1;

3. ký kết các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu khác liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình ESOP;

4. thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ tại Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh, đăng ký chứng khoán bổ sung cho số cổ phần thực tế được phát hành tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phần thực tế được phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán;

5. thực hiện sửa đổi Điều lệ của Công ty liên quan đến vốn điều lệ trên cơ sở số lượng cổ phần thực tế được phát hành theo chương trình ESOP; và

6. thực hiện tất cả các công việc cần thiết khác để hoàn tất việc phát hành cổ phần mới theo chương trình ESOP.

Điều 5: Ban Tổng Giám đốc Công ty, các cá nhân và phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 6: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0302017440 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

DANNY LE

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	------oOo------
Số: 15.../2025/NQ-HĐQT-MSC	*TP. Hồ Chí Minh, ngày ...04... tháng ...7... năm 2025*

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("**Công ty**") ngày 25/4/2025 (được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm) ("**Điều lệ**");
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 25/4/2025 ("**Nghị Quyết ĐHĐCĐ TN 2025**"); và
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số ...15.../2025/BBKP-HĐQT-MSC ngày 04./.7./2025 về việc xin ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Quy chế chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2025 của Công ty (đính kèm).

Điều 2: Thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như được quy định tại phụ lục đính kèm.

Điều 3: Ban Tổng Giám đốc Công ty, các cá nhân và phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

DANNY LE

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

GCN ĐKKD số: 0302017440, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày 31/5/2000

Địa chỉ: số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 62 555 660 Fax: (84-28) 38 109 463

QUY CHẾ

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHẦN

THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

NĂM 2025

Chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Gọi tắt là "Chương trình ESOP") là chương trình được triển khai nhằm tạo điều kiện cho các cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (Gọi tắt là "Công ty" hoặc "Masan Consumer") và các công ty con trong Tập đoàn (có đủ điều kiện và tiêu chuẩn, điều kiện - tiêu chuẩn để tham gia chương trình sẽ được trình bày ở sau) cùng chia sẻ sự phát triển và thành công của Công ty thông qua việc có cơ hội sở hữu cổ phần Công ty với giá ưu đãi so với giá thị trường.

1. MỤC ĐÍCH:

- Phát hành cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên của Công ty và các công ty con trong Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con trong năm qua, tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và gắn bó lâu dài với Công ty và các công ty con.

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ của Công ty ngày 25/4/2025, được sửa đổi bổ sung theo từng thời điểm (Điều lệ);
- Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 25/4/2025 thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; và
- Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 14./2025/NQ-HĐQT-MSC ngày 14./7/2025 thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

3. ĐỊNH NGHĨA:

- ***"Chương trình ESOP"***: là Chương trình phát hành cổ phần của Công ty một cách trực tiếp cho CBNV theo quy định của Quy chế này.
- ***"Cán bộ, nhân viên", "CBNV"***: là những người lao động, nhân viên của Công ty, các Công ty con trong Tập đoàn.
- ***"Thành viên ESOP"***: là CBNV được xét chọn và đã thực hiện việc mua cổ phần từ Chương trình ESOP.
- ***"HĐQT"***: là Hội đồng Quản trị.
- ***"ĐHĐCĐ"***: là Đại hội đồng cổ đông.
- ***"Tập đoàn"***: bao gồm Công ty và các Công ty con.
- ***"Công ty"***: là Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ESOP:

4.1. Nguyên tắc của Chương trình ESOP:

- CBNV tham gia Chương trình ESOP một cách hoàn toàn tự nguyện và có quyền, nghĩa vụ theo Quy chế này.
- Nguồn cổ phần cho Chương trình ESOP: phát hành mới 5.256.000 cổ phần, tương đương với tổng giá trị cổ phần tính theo mệnh giá là 52.560.000.000 đồng.
- Loại cổ phần áp dụng cho Chương trình ESOP: cổ phần phổ thông.

- Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo Chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngày kết thúc việc thu tiền của người lao động) theo quy định tại Nghị định của Chính phủ số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

4.2. Đối tượng tham gia Chương trình ESOP: là nhân viên của Công ty và các Công ty con có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các Công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty và các Công ty con.

4.3. Quyền và nghĩa vụ Thành viên ESOP:

- Được hưởng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định, quy chế của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Thành viên ESOP.
- Cam kết nỗ lực trong việc đạt mục tiêu được giao và ngày càng mang lại nhiều hiệu quả hơn cho công việc của bộ phận mà Thành viên ESOP làm việc.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

4.4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty:

- Chịu trách nhiệm phát hành cổ phần ESOP theo đúng đối tượng và số lượng được duyệt.
- Công bố thông tin về việc phát hành và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình ESOP theo quy định.

4.5. Các tiêu chuẩn xác định cổ phiếu được phân phối cho từng CBNV:

Số lượng cổ phiếu Chương trình ESOP được phân phối cho từng người lao động dựa trên các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn 1: Kết quả đóng góp cho sự phát triển của Công ty và các công ty con;
- Tiêu chuẩn 2: Trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách;
- Tiêu chuẩn 3: Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban và cá nhân;
- Tiêu chuẩn 4: Chức vụ;
- Tiêu chuẩn 5: Mức lương; và
- Tiêu chuẩn 6: Ngạch bậc.

Căn cứ theo các tiêu chuẩn nêu trên, Hội đồng Quản trị quyết định từng tiêu chí đánh giá cụ thể nguyên tắc xác định số cổ phần phân phối cho từng người lao động và danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP.

4.6. Nguyên tắc và tiêu chí xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng:

Việc phân phối cổ phiếu Chương trình ESOP được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1: Phân phối cổ phiếu theo 04 nhóm người lao động, bao gồm:

- Nhóm 1: Nhóm người lao động mang lại giá trị cho cổ đông bao gồm hiệu quả kinh doanh, các sáng kiến mang tính chiến lược và huy động vốn cho Công ty, các Công ty con.

- Nhóm 2: Nhóm người lao động có các sáng kiến phát triển kinh doanh bao gồm xây dựng quan hệ đối tác dài hạn với các nhà đầu tư, phân bổ vốn hiệu quả, quản trị rủi ro chặt chẽ,

đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chiến lược và thúc đẩy tài năng; đưa ra các phát kiến phát triển sản phẩm mới và mang lại những hiệu quả tích cực; các phát kiến, sáng kiến công nghệ, giúp cải tiến sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Nhóm 3: Nhóm người lao động kiêm nhiệm thêm vị trí công tác khác trong cùng một công ty trong Tập đoàn hoặc tại từ hai công ty trở lên trong Tập đoàn.

- Nhóm 4: Nhóm người lao động có tham gia vào từng dự án cụ thể trong năm trước đó.

Nguyên tắc 2: Trong mỗi nhóm người lao động được phân loại theo nguyên tắc 1 nêu trên, số cổ phiếu phân bổ cho từng người lao động được xác định theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm 1: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 1 được tính dựa trên 5 tiêu chí:

- Hệ số Kết quả kinh doanh của Công ty (Tiêu chuẩn 1):

Kết quả kinh doanh của công ty	**Hệ số kế quả kinh doanh của công ty (a)**
Không đạt Kế hoạch kinh doanh	Tối đa 0,65
Đạt kế hoạch kinh doanh ở mức thấp	0,65 - 0,8
Nằm trong khung kế hoạch kinh doanh ở mức thấp và mức cao	0,8 – 0,9
Đạt hoặc vượt kế hoạch kinh doanh ở mức cao	0,9 – 1,0

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (Tiêu chuẩn 3):

Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban	**Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (b)**
Không đạt kế hoạch KPI	Tối đa 0,6
Đạt kế hoạch kinh doanh	0,6 - 0,8
Vượt kế hoạch kinh doanh	0,8 - 1,0

- Hệ số cấp bậc, bao gồm chức vụ, mức lương và ngạch bậc (Tiêu chuẩn 4,5,6):

Cấp bậc	**Điểm cấp bậc**	**Hệ số cấp bậc (1 điểm = hệ số 0.0001) (c)**
Cấp bậc nhân viên (rank 5)	6 - 7	0,0006 - 0,0007
Cấp bậc chuyên viên (rank 4)	8 - 20	0,0008 - 0,002
Cấp bậc Trưởng nhóm, trưởng phòng (rank 3)	30 - 60	0,003 - 0,006
Cấp bậc quản lý, giám đốc chuyên môn (rank 2)	80 - 120	0,008 - 0,012
Cấp bậc ban giám đốc, điều hành (rank 1)	150 - 200	0,015 - 0,02

- Hệ số công việc (Tiêu chuẩn 2, 3): là hệ số thể hiện tính chất công việc (trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách), kết quả đóng góp của cá nhân cho sự phát triển của Công ty và các công ty con, tầm quan trọng của từng người lao động vào kết quả và hiệu quả hoàn thành công việc của phòng ban và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2024.

Tính chất công việc, mức độ đóng góp, tầm quan trọng	Hệ số công việc (d)
Ít quan trọng	0,1 - 0,99
Quan trọng	1 - 1,49
Rất quan trọng	1,5 - 2

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (Tiêu chuẩn 3):

Lưu ý: Những người lao động làm việc dưới 6 tháng thì hệ số KPI sẽ được chia 2.

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (e)
Không đạt KPI	0,11 - 0,49
Đạt kế hoạch KPI	0,5 - 0,70
Vượt kế hoạch KPI	0,71 - 0,99
Vượt kế hoạch KPI (xuất sắc)	1 trở lên

- Những người lao động hoàn thành xuất sắc công việc, vượt kế hoạch, mang lại kết quả đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Công ty và các công ty con sẽ được phân phối thêm một lượng cổ phiếu như sau (Tiêu chuẩn 1):

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Số cổ phiếu được phân phối thêm (g)
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1 - 1,04	100.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,05 - 1,09	150.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,1 - 1,14	200.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,15 - 1,19	250.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,2 - 1,24	300.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,25 - 1,29	350.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,3 trở lên	380.000

Công thức tính cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này: Dựa trên 05 tiêu chí nêu trên, cổ phiếu được mua của từng Người lao động được xác định theo công thức sau (làm tròn):

ESOPi = Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa x (a) x (b) x (c) x (d) x (e) + (g)

Trong đó:

- ESOPi: Số cổ phiếu ESOP của Người lao động i được quyền mua
- Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa: là tổng số cổ phiếu ESOP tối đa được phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bằng 5.257.247 cổ phiếu (tối đa 0,5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty)
- (a): Hệ số Kết quả kinh doanh của công ty thành viên nơi Người lao động i làm việc
- (b): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban của Người lao động i

- (c): Là hệ số cấp bậc của Người lao động i
- (d): Là hệ số công việc của Người lao động i
- (e): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân của Người lao động i
- (g): Số cổ phiếu Người lao động i được phân phối thêm do hoàn thành xuất sắc công việc trong năm 2024

Để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá lượng cổ phiếu được phép phát hành, lượng cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- Nhóm 2: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 2 được tính dựa trên 3 tiêu chí:

  - Hệ số hiệu quả sáng kiến phát triển kinh doanh,
  - Hệ số cấp bậc chức vụ,
  - Hệ số đóng góp cá nhân.

  Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 3: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 3 được tính dựa trên 3 tiêu chí:

  - Hệ số vị trí kiêm nhiệm,
  - Hệ số thời gian kiêm nhiệm,
  - Hệ số kết quả công việc của cá nhân.

  Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 4: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 4 được tính dựa trên 3 tiêu chí:

  - Hệ số hiệu quả của dự án,
  - Hệ số cấp bậc chức vụ,
  - Hệ số đóng góp cá nhân.

  Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

Công thức tính cổ phiếu ESOP và nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phát hành của từng người lao động:

- **Số lượng cổ phiếu ESOP người lao động được phát hành tối đa** là tổng số lượng cổ phiếu mà người lao động được phát hành trong từng nhóm.

Sau khi phân bổ cổ phiếu theo các tiêu chuẩn, nguyên tắc và tiêu chí tại Quy chế này, tùy theo tính chất quan trọng của vị trí và năng lực nhân sự, Hội đồng quản trị sẽ cân đối, điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu ESOP cuối cùng được phân bổ cho người lao động nếu cần thiết.

4.7. Điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Chương trình ESOP:

- HĐQT Công ty có quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế Chương trình ESOP phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty và các Công ty con.

- Khi có quy định mới của pháp luật liên quan đến việc phát hành cổ phần theo Chương trình lựa chọn cho người lao động, Quy chế này sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp.

Tp. HCM, ngày ..14.. tháng ..7... năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0302017440 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

DANNY LE

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP

(đính kèm Nghị quyết Hội đồng Quản trị số .15./2025/NQ-HĐQT-MSC ngày 04/7/2025)

STT	Họ tên
1.	Biện Đình Thuần
2.	Bùi Chí Hiếu
3.	Bùi Đức Quý
4.	Bùi Duy Hiếu
5.	Bùi Hữu Phi
6.	Bùi Huy Nhích
7.	Bùi Long Quân
8.	Bùi Minh Phượng
9.	Bùi Nguyễn Huy Hoàng
10.	Bùi Nhật Thiên Trang
11.	Bùi Thanh Tuấn
12.	Bùi Thị Hồng
13.	Bùi Thị Kim Thoa
14.	Bùi Thị Kim Thúy
15.	Bùi Thị Mai
16.	Bùi Thị Thu Trang
17.	Bùi Thị Thủy
18.	Bùi Vân Hương
19.	Bùi Việt Hà
20.	Ca Hữu Phước
21.	Cầm Đình Hoan
22.	Cao Minh Châu
23.	Cao Phương Thanh
24.	Cao Thị Trang
25.	Cao Thúy Hạnh
26.	Cao Trần Đăng Khoa
27.	Cao Văn Thìn
28.	Cao Việt Cường
29.	Châu Huỳnh Lộc
30.	Châu Nguyên Tấn
31.	Chu Thành Đạt
32.	Chu Văn Hậu
33.	Đàm Thị Bích Thu
34.	Đặng Đức Biên
35.	Đặng Đức Đạt
36.	Đặng Huyền Trâm
37.	Đặng Long Vân
38.	Đặng Minh Tấn
39.	Đặng Ngọc Tuyết
40.	Đặng Thị Bạch Thu
41.	Đặng Thị Kiều Diễm
42.	Đặng Thị Kim Quý
43.	Đặng Thị Quỳnh Trang
44.	Đặng Thị Thu Hà
45.	Đặng Thị Thu Tuyết
46.	Đặng Thị Thục Vy
47.	Đặng Thị Trang
48.	Đặng Thị Trang Nhung
49.	Đặng Uẩn Anh
50.	Đặng Văn Đức Thắng
51.	Đặng Văn Toàn
52.	Đào Đức Cường
53.	Đào Thị Hồng Trang
54.	Đào Thị Thanh Hương
55.	Đào Văn Bầy

56.	Đào Xuân Hương
57.	De Abreu Moure Guilherme
58.	Đinh Công Ty
59.	Đinh Gia Khánh
60.	Đinh Hồng Vân
61.	Đinh Huỳnh Việt
62.	Đinh Sỹ Đạt
63.	Đinh Thị Ngọc Mỹ
64.	Đinh Thị Trúc Lam
65.	Đinh Viết Thịnh
66.	Đỗ Đình Dũng
67.	Đỗ Đức Huy
68.	Đỗ Duy Vương
69.	Đỗ Minh Trí
70.	Đỗ Ngọc Bảo
71.	Đỗ Ngọc Huyền
72.	Đỗ Phúc Nguyên
73.	Đỗ Phước Thiện
74.	Đỗ Tấn Chinh
75.	Đỗ Thanh Bình
76.	Đỗ Thị Hương
77.	Đỗ Thị Khánh Phương
78.	Đỗ Thị Ngọc Trâm
79.	Đỗ Thị Phương Chi
80.	Đỗ Thị Thanh Nhàn
81.	Đỗ Thị Thúy Quy
82.	Đỗ Thị Xuân Anh
83.	Đỗ Triết Nhân
84.	Đỗ Tuấn Tú
85.	Đỗ Văn Cường
86.	Đỗ Văn Đức
87.	Đỗ Văn Hà
88.	Đỗ Văn Quận
89.	Đoàn Kiệt Trung
90.	Doãn Lâm Phương Ngọc
91.	Đoàn Minh Phong
92.	Đoàn Minh Quân
93.	Đoàn Ngọc Hà
94.	Đoàn Quang Nhật
95.	Đoàn Quang Vinh
96.	Đoàn Quốc Hưng
97.	Đoàn Thị Hà
98.	Đoàn Thị Kim Thoa
99.	Đoàn Thị Lan Hồng
100.	Đoàn Trọng Thuấn
101.	Đoàn Tùng Linh
102.	Đoàn Văn Trường
103.	Dương Anh Tuấn
104.	Dương Đình Bảo Nhân
105.	Dương Gia Hân
106.	Dương Mỹ Xuân
107.	Dương Quang Phẩm
108.	Dương Thị Hoàng Yến
109.	Dương Thị Hồng Vân
110.	Dương Thị Minh Hiền
111.	Dương Thị Ngọc Quyên
112.	Dương Thị Phương Hằng
113.	Dương Thị Tĩnh
114.	Dương Thị Yến Linh
115.	Dương Vũ Minh Hiền

116.	Dương Vũ Nhật Duy
117.	Dương Xuân Nhân
118.	Hà Huy Khánh
119.	Hà Ngọc Tâm
120.	Hà Tấn Nhất
121.	Hà Thị Hồng Trang
122.	Hà Thị Hương
123.	Hà Thị Nhung
124.	Hà Thị Quỳnh Nga
125.	Hồ An Hải
126.	Hồ Anh Vũ
127.	Hồ Đạo
128.	Hồ Đức Toàn
129.	Hồ Hạ Mai Trâm
130.	Hồ Ngọc An
131.	Hồ Ngọc Quang
132.	Hồ Ngọc Tiến Anh
133.	Hồ Nguyễn Phương Uyên
134.	Hồ Tân
135.	Hồ Thanh Hoàng
136.	Hồ Thị Ngọc Anh
137.	Hồ Thị Như Quỳnh
138.	Hồ Thị Thu Diệu
139.	Hồ Thị Thuỳ Linh
140.	Hồ Thúy Hạnh
141.	Hồ Xuân Bắc
142.	Hòa Quang Nam
143.	Hoàng Anh Tiến
144.	Hoàng Anh Tuấn
145.	Hoàng Bảo Hiếu
146.	Hoàng Khánh Linh
147.	Hoàng Lý Kim Yến
148.	Hoàng Nghĩa Cường
149.	Hoàng Quang Đạo
150.	Hoàng Thị Bích Thủy
151.	Hoàng Thị Hiên
152.	Hoàng Thị Hiền
153.	Hoàng Thị Huyền
154.	Hoàng Thị Ngọc
155.	Hoàng Thị Ngọc Lan
156.	Hoàng Thị Thùy Tiên
157.	Hoàng Tô Quyên
158.	Hoàng Trần Nhật Anh
159.	Hoàng Trung Hiếu
160.	Hoàng Trung Thông
161.	Hoàng Tuấn Hưng
162.	Hoàng Tùng Lâm
163.	Hứa Thị Hằng
164.	Hứa Thị Thu Thảo
165.	Huỳnh Công Hầu
166.	Huỳnh Công Hoàn
167.	Huỳnh Hồng Hà
168.	Huỳnh Hữu Hậu
169.	Huỳnh Lê Kim Lâm
170.	Huỳnh Lê Minh Nhựt
171.	Huỳnh Lương Việt
172.	Huỳnh Ngọc Bảo
173.	Huỳnh Nguyễn Hiếu Dân
174.	Huỳnh Phúc Sử
175.	Huỳnh Quốc Minh

176.	Huỳnh Tấn Vũ
177.	Huỳnh Thành Đô
178.	Huỳnh Thanh Quốc
179.	Huỳnh Thị Ánh Thư
180.	Huỳnh Thị Diệu Trang
181.	Huỳnh Thị Đoan Trang
182.	Huỳnh Thị Kim Anh
183.	Huỳnh Thị Nữ
184.	Huỳnh Thị Thanh Kiều
185.	Huỳnh Thị Thu Nhàn
186.	Huỳnh Thị Thùy Dương
187.	Huỳnh Thị Thùy Trang
188.	Huỳnh Thị Trúc Giang
189.	Huỳnh Thiện Nhân
190.	Huỳnh Thục Phương
191.	Huỳnh Trần Như Thảo
192.	Huỳnh Tuấn Kiệt
193.	Huỳnh Việt Thăng
194.	Huỳnh Yến Thanh
195.	Kaushal Agarwal
196.	Khưu Nguyễn Thị Minh Nhung
197.	Khưu Thị Mai Thu
198.	Kiều Trí Thịnh
199.	Lâm Hoàng Thái
200.	Lâm Minh Dũng
201.	Lâm Ngọc Phương
202.	Lâm Nguyễn Duy Anh
203.	Lâm Nguyễn Tú Linh
204.	Lâm Thanh Bình
205.	Lâm Thế Vinh
206.	Lâm Thị Lệ Sương
207.	Lâm Thư Lộc
208.	Lâm Tuấn Nghĩa
209.	Lâm Văn Chính
210.	Lê Anh Thoại
211.	Lê Canh Hạnh
212.	Lê Cao Long
213.	Lê Công Danh
214.	Lê Công Hậu
215.	Lê Diệu Quỳnh
216.	Lê Đình Bảo Châu
217.	Lê Đình Pháp
218.	Lê Đình Thịnh
219.	Lê Đình Thọ
220.	Lê Doãn Hải
221.	Lê Duy Hải
222.	Lê Hoàng Đệ
223.	Lê Hoàng Phúc
224.	Lê Hồng Phúc
225.	Lê Hùng Vương
226.	Lê Minh Chính
227.	Lê Minh Duy
228.	Lê Minh Tâm
229.	Lê Ngọc Chuyển
230.	Lê Ngọc Lâm
231.	Lê Ngọc Phương Linh
232.	Lê Ngọc Trang
233.	Lê Nguyễn Thành Vinh
234.	Lê Nguyễn Tuyết Hằng
235.	Lê Nhật Bằng

236.	Lê Nhật Duy
237.	Lê Phạm Hậu
238.	Lê Phương Minh Châu
239.	Lê Phương Thảo
240.	Lê Phương Tuyến
241.	Lê Quốc Huy
242.	Lê Tấn Bình
243.	Lê Tấn Phát
244.	Lê Tấn Thảo
245.	Lê Thái Toàn
246.	Lê Thanh Cường
247.	Lê Thành Long
248.	Lê Thanh Tân
249.	Lê Thị Ái Lan
250.	Lê Thị Bảo Khánh
251.	Lê Thị Diệu
252.	Lê Thị Đức
253.	Lê Thị Duyên
254.	Lê Thị Hoa
255.	Lê Thị Hoài
256.	Lê Thị Kim Khánh
257.	Lê Thị Kim Ngân
258.	Lê Thị Kim Thoa
259.	Lê Thị Lệ Quyên
260.	Lê Thị Loan
261.	Lê Thị Luyện
262.	Lê Thị Nga
263.	Lê Thị Ngoan
264.	Lê Thị Ngọc Trang
265.	Lê Thị Phương Thy
266.	Lê Thị Tâm
267.	Lê Thị Thanh Hằng
268.	Lê Thị Thanh Huyền
269.	Lê Thị Thanh Mai
270.	Lê Thị Thảo
271.	Lê Thị Thu
272.	Lê Thị Thu Hồng
273.	Lê Thị Thu Liên
274.	Lê Thị Trang
275.	Lê Thị Trọng Đoan
276.	Lê Thị Tường Vân
277.	Lê Thị Xuân Trang
278.	Lê Thuận
279.	Lê Thụy Nhật Linh
280.	Lê Tiến Nhật
281.	Lê Trọng Hà
282.	Lê Tử Huân
283.	Lê Văn An
284.	Lê Văn Chí
285.	Lê Văn Hải
286.	Lê Văn Lộc
287.	Lê Văn Minh
288.	Lê Văn Phú
289.	Lê Viết Bảo
290.	Liễu Huỳnh Duy Khanh
291.	Lư Mai Trang
292.	Lư Muôi
293.	Lục Thế Quang
294.	Lương Minh Đức
295.	Lương Quốc Vinh

296.	Lương Thị Diễm Quỳnh
297.	Lương Thị Hảo
298.	Lương Thị Hoa
299.	Lương Thị Thương
300.	Lương Thu Phương
301.	Luong An Vinh
302.	Lương Võ Anh Tú
303.	Lưu Hưng Chương
304.	Lưu Như Ngọc
305.	Lưu Thị Lụa
306.	Lưu Thị Thu Hiền
307.	Lưu Văn Kiểm
308.	Lưu Văn Thắng
309.	Lý Ngọc Phương Thanh
310.	Lý Quang Nguyên
311.	Lý Thị Thanh Vân
312.	Mai Đức Lâm
313.	Mai Hồng Diễm
314.	Mai Lan Hương
315.	Mai Nhật Hiếu
316.	Mai Thị Bích Ngọc
317.	Mai Thị Phượng
318.	Mai Thị Thùy Trang
319.	Mai Văn Cường
320.	Ngô Anh Tuấn
321.	Ngô Cao Bảo
322.	Ngô Đức Thuận
323.	Ngô Thị Hồng Phượng
324.	Ngô Thị Thanh Vân
325.	Ngô Thị Thu
326.	Ngô Thị Thủy
327.	Ngô Thị Thùy Vy
328.	Ngô Trần Hữu Nghĩa
329.	Ngô Trí Hiếu
330.	Ngô Trung Kiên
331.	Ngô Tuấn Anh
332.	Ngô Văn Độ
333.	Ngô Vương Thanh Thảo
334.	Ngô Xuân Hưng
335.	Ngô Xuân Thìn
336.	Nguyễn An Lương
337.	Nguyễn Anh Khoa
338.	Nguyễn Anh Phú
339.	Nguyễn Anh Tuấn
340.	Nguyễn Bá Quân
341.	Nguyễn Bảo Phúc
342.	Nguyễn Cao Khải
343.	Nguyễn Công Dũng
344.	Nguyễn Công Sang
345.	Nguyễn Công Thành
346.	Nguyễn Công Thành
347.	Nguyễn Đăng Châu
348.	Nguyễn Đặng Hoàng Phúc
349.	Nguyễn Đăng Khoa
350.	Nguyễn Đạt Luân
351.	Nguyễn Đình Huân
352.	Nguyễn Đình Huy
353.	Nguyễn Đình Ninh
354.	Nguyễn Đình Quyết
355.	Nguyễn Đình Thành

356.	Nguyễn Đình Úy
357.	Nguyễn Đỗ Quỳnh Anh
358.	Nguyễn Đức Duy
359.	Nguyễn Đức Hậu
360.	Nguyễn Đức Khoa
361.	Nguyễn Đức Linh
362.	Nguyễn Đức Phú
363.	Nguyễn Dũng Đô
364.	Nguyễn Duy Kha
365.	Nguyễn Duy Khoa
366.	Nguyễn Duy Thọ
367.	Nguyễn Duy Tiên
368.	Nguyễn Hải Hoàn
369.	Nguyễn Hạnh Nghi
370.	Nguyễn Hồ Hải
371.	Nguyễn Hoài Linh
372.	Nguyễn Hoàng Tâm
373.	Nguyễn Hoàng Tuấn
374.	Nguyễn Hoàng Yến
375.	Nguyễn Hồng Hà
376.	Nguyễn Hồng Quang
377.	Nguyễn Hồng Thoại
378.	Nguyễn Hương Trà
379.	Nguyễn Hữu Chính
380.	Nguyễn Hữu Đông
381.	Nguyễn Hữu Hoàng
382.	Nguyễn Hữu Phước
383.	Nguyễn Hữu Sang
384.	Nguyễn Hữu Tài
385.	Nguyễn Hữu Tân
386.	Nguyễn Hữu Thiện
387.	Nguyễn Hữu Thịnh
388.	Nguyễn Huy Hùng
389.	Nguyễn Huỳnh Khánh Duyên
390.	Nguyễn Huỳnh Ngọc Tâm
391.	Nguyễn Huỳnh Thanh Tâm
392.	Nguyễn Khắc Hùng
393.	Nguyễn Khắc Huy
394.	Nguyễn Khắc Huy
395.	Nguyễn Khắc Phương
396.	Nguyễn Khánh Trình
397.	Nguyễn Khoa Hoàng Thắng
398.	Nguyễn Kỳ Anh
399.	Nguyễn Lan Hương
400.	Nguyễn Lê Anh Tú
401.	Nguyễn Lê Hoài Trâm
402.	Nguyễn Lê Khánh Linh
403.	Nguyễn Long Hiếu
404.	Nguyễn Mạnh Thắng
405.	Nguyễn Mạnh Trung
406.	Nguyễn Minh Đăng
407.	Nguyễn Minh Khai
408.	Nguyễn Minh Khương
409.	Nguyễn Minh Trí
410.	Nguyễn Minh Triết
411.	Nguyễn Minh Tuấn
412.	Nguyễn Ngân Hương
413.	Nguyễn Ngọc Anh Tú
414.	Nguyễn Ngọc Bích Hồng
415.	Nguyễn Ngọc Duy Ân

416.	Nguyễn Ngọc Hải
417.	Nguyễn Ngọc Hồng
418.	Nguyễn Ngọc Lan
419.	Nguyễn Ngọc Long
420.	Nguyễn Ngọc Long
421.	Nguyễn Ngọc Phương Toàn
422.	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như
423.	Nguyễn Ngọc Sang
424.	Nguyễn Ngọc Sơn
425.	Nguyễn Ngọc Thân
426.	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo
427.	Nguyễn Ngọc Thanh Vi
428.	Nguyễn Ngọc Thùy Linh
429.	Nguyễn Ngọc Tiến
430.	Nguyễn Ngọc Yến Nhi
431.	Nguyễn Nguyên Khang
432.	Nguyễn Nhật Quang
433.	Nguyễn Nhật Tường
434.	Nguyễn Phan Duy Nguyên
435.	Nguyễn Phấn Phú
436.	Nguyễn Phi Công
437.	Nguyễn Phi Giang
438.	Nguyễn Phi Hoàng Hạc
439.	Nguyễn Phúc Hậu
440.	Nguyễn Phước Thu Phương
441.	Nguyễn Phương Ngọc Hân
442.	Nguyễn Phương Viễn Vân
443.	Nguyễn Quang Dũng
444.	Nguyễn Quang Hải
445.	Nguyễn Quang Trung
446.	Nguyễn Quang Tuấn
447.	Nguyễn Quang Vinh
448.	Nguyễn Quốc Anh
449.	Nguyễn Quốc Chưởng
450.	Nguyễn Quốc Đạt
451.	Nguyễn Quốc Hoà
452.	Nguyễn Quốc Hòa
453.	Nguyễn Quốc Khánh
454.	Nguyễn Quốc Thiện Tâm
455.	Nguyễn Quốc Việt
456.	Nguyễn Ra Băng
457.	Nguyễn Sỹ Nguyên
458.	Nguyễn Tài Lộc
459.	Nguyễn Tấn Bình
460.	Nguyễn Tấn Định
461.	Nguyễn Tấn Én
462.	Nguyễn Tân Kỳ
463.	Nguyễn Tấn Thành
464.	Nguyễn Tấn Toàn
465.	Nguyễn Thái Thanh Tâm
466.	Nguyễn Thanh Bình
467.	Nguyễn Thành Chung
468.	Nguyễn Thanh Hải
469.	Nguyễn Thanh Hòa
470.	Nguyễn Thanh Hoài
471.	Nguyễn Thành Luân
472.	Nguyễn Thành Phong
473.	Nguyễn Thanh Tâm
474.	Nguyễn Thanh Thủy
475.	Nguyễn Thành Trung

476.	Nguyễn Thanh Tú
477.	Nguyễn Thế Anh
478.	Nguyễn Thế Lực
479.	Nguyễn Thế Pháp
480.	Nguyễn Thế Phú
481.	Nguyễn Thị Ái Như
482.	Nguyễn Thị Ái Vân
483.	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
484.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết
485.	Nguyễn Thị Bé Nhàn
486.	Nguyễn Thị Bích Chi
487.	Nguyễn Thị Bích Hạnh
488.	Nguyễn Thị Bích Ngọc
489.	Nguyễn Thị Bích Quyên
490.	Nguyễn Thị Bích Thủy
491.	Nguyễn Thị Bích Trâm
492.	Nguyễn Thị Cẩm Tuyên
493.	Nguyễn Thị Điệp
494.	Nguyễn Thị Diệu My
495.	Nguyễn Thị Hạnh Linh
496.	Nguyễn Thị Hiếu
497.	Nguyễn Thị Hoa
498.	Nguyễn Thị Hoàng Linh
499.	Nguyễn Thị Hồng
500.	Nguyễn Thị Hồng Cẩm
501.	Nguyễn Thị Hồng Hiền
502.	Nguyễn Thị Hồng Ngọc
503.	Nguyễn Thị Hồng Nhung
504.	Nguyễn Thị Huệ
505.	Nguyễn Thị Hương
506.	Nguyễn Thị Huỳnh Như
507.	Nguyễn Thị Kiều Trâm
508.	Nguyễn Thị Kim Anh
509.	Nguyễn Thị Kim Thoa
510.	Nguyễn Thị Kim Tuyến
511.	Nguyễn Thị Lan Hương
512.	Nguyễn Thị Liên Nga
513.	Nguyễn Thị Mai
514.	Nguyễn Thị Mai
515.	Nguyễn Thị Mại
516.	Nguyễn Thị Mai Dung
517.	Nguyễn Thị Mai Trang
518.	Nguyễn Thị Minh Hương
519.	Nguyễn Thị Minh Ngọc
520.	Nguyễn Thị Mỹ
521.	Nguyễn Thị Mỹ Hằng
522.	Nguyễn Thị Mỹ Lệ
523.	Nguyễn Thị Mỹ Nhung
524.	Nguyễn Thị Nga
525.	Nguyễn Thị Ngọc Bích
526.	Nguyễn Thị Ngọc Giàu
527.	Nguyễn Thị Ngọc Giàu
528.	Nguyễn Thị Ngọc Hân
529.	Nguyễn Thị Ngọc Sa
530.	Nguyễn Thị Ngọc Trâm
531.	Nguyễn Thị Nhã Uyên
532.	Nguyễn Thị Phước Hăng
533.	Nguyễn Thị Phương
534.	Nguyễn Thị Phương Anh
535.	Nguyễn Thị Phương Thảo

536.	Nguyễn Thị Phương Trinh
537.	Nguyễn Thị Quỳnh Mai
538.	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi
539.	Nguyễn Thị Quỳnh Như
540.	Nguyễn Thị Sang
541.	Nguyễn Thị Thắm
542.	Nguyễn Thị Thanh
543.	Nguyễn Thị Thanh Dung
544.	Nguyễn Thị Thanh Hiền
545.	Nguyễn Thị Thanh Ngân
546.	Nguyễn Thị Thanh Thu
547.	Nguyễn Thị Thanh Trúc
548.	Nguyễn Thị Thảo Nguyên
549.	Nguyễn Thị Thu
550.	Nguyễn Thị Thu
551.	Nguyễn Thị Thu Duyên
552.	Nguyễn Thị Thu Hiền
553.	Nguyễn Thị Thu Hoàn
554.	Nguyễn Thị Thu Thủy
555.	Nguyễn Thị Thu Trang
556.	Nguyễn Thị Thu Yến
557.	Nguyễn Thị Thùy
558.	Nguyễn Thị Thuý Hằng
559.	Nguyễn Thị Thúy Hằng
560.	Nguyễn Thị Thùy Linh
561.	Nguyễn Thị Thùy Linh
562.	Nguyễn Thị Thùy Linh
563.	Nguyễn Thị Thùy Trang
564.	Nguyễn Thị Tú Nguyên
565.	Nguyễn Thị Tú Quyên
566.	Nguyễn Thị Tường Vy
567.	Nguyễn Thị Tường Vy
568.	Nguyễn Thị Tường Vy
569.	Nguyễn Thị Tuyến
570.	Nguyễn Thị Tuyết Sương
571.	Nguyễn Thị Tuyết Trinh
572.	Nguyễn Thị Xanh
573.	Nguyễn Thị Xuân Yên
574.	Nguyễn Thiên Bửu
575.	Nguyễn Thiên Hương
576.	Nguyễn Thục Kỳ Mây
577.	Nguyễn Thùy Giao
578.	Nguyễn Thuy Hảo
579.	Nguyễn Trần Diễm Minh
580.	Nguyễn Trần Hồng Hạnh
581.	Nguyễn Trần Mỹ Tiên
582.	Nguyễn Trần Quỳnh Anh
583.	Nguyễn Trí Cao Sơn
584.	Nguyễn Trọng Quý
585.	Nguyễn Trung
586.	Nguyễn Trung Đức
587.	Nguyễn Trung Hòa
588.	Nguyễn Trung Kiên
589.	Nguyễn Trung Kiên
590.	Nguyễn Trung Thạch
591.	Nguyễn Trung Thành
592.	Nguyễn Trương Kim Phượng
593.	Nguyễn Trường Sinh
594.	Nguyễn Trường Sinh
595.	Nguyễn Tuấn Huy

596.	Nguyễn Văn Anh Duy
597.	Nguyễn Văn Bình
598.	Nguyễn Văn Công
599.	Nguyễn Văn Đông
600.	Nguyễn Văn Du
601.	Nguyễn Văn Hà
602.	Nguyễn Văn Hải
603.	Nguyễn Văn Hóa
604.	Nguyễn Văn Hoàn
605.	Nguyễn Văn Hùng
606.	Nguyễn Văn Huy
607.	Nguyễn Văn Khoa
608.	Nguyễn Văn Long
609.	Nguyễn Văn Nam
610.	Nguyễn Văn Nhớ
611.	Nguyễn Văn Phú
612.	Nguyễn Văn Quận
613.	Nguyễn Văn Sinh
614.	Nguyễn Văn Tân
615.	Nguyễn Văn Thắng
616.	Nguyễn Văn Thao
617.	Nguyễn Văn Thảo
618.	Nguyễn Văn Thi
619.	Nguyễn Văn Tưởng
620.	Nguyễn Văn Vinh
621.	Nguyễn Văn Vương
622.	Nguyễn Việt Bình
623.	Nguyễn Viết Cường
624.	Nguyễn Việt Hoàng
625.	Nguyễn Viết Quang
626.	Nguyễn Viết Trung
627.	Nguyễn Vũ Quang
628.	Nguyễn Vũ Quyền
629.	Nguyễn Vũ Tú Vy
630.	Nguyễn Xuân Chung
631.	Nguyễn Xuân Hà
632.	Nguyễn Xuân Nam
633.	Nguyễn Xuân Sáng
634.	Nguyễn Xuân Thành
635.	Nguyễn Ý Đạt Kim
636.	Nhâm Sỹ Quyền
637.	Ông Chí Cường
638.	Phạm Bùi Hoàng Long
639.	Phạm Chánh Tín
640.	Phạm Chiêu Linh
641.	Phạm Duy Khương
642.	Phạm Hoàng Khánh
643.	Phạm Hoàng Vũ
644.	Phạm Hồng Sơn
645.	Phạm Hữu Luyện
646.	Phạm Hữu Nhở
647.	Phạm Huy Lâm
648.	Phạm Huỳnh Hòa
649.	Phạm Lai Vũ Hoàng
650.	Phạm Minh Đức
651.	Phạm Minh Đức
652.	Phạm Minh Hòa
653.	Phạm Minh Quốc
654.	Phạm Minh Tuấn
655.	Phạm Ngọc Ân

656.	Phạm Ngọc Quỳnh Dung
657.	Phạm Ngọc Thủy
658.	Phạm Ngọc Trâm
659.	Phạm Nguyễn Yến Quỳnh
660.	Phạm Phú Vinh
661.	Phạm Quang Huy
662.	Phạm Quốc Cường
663.	Phạm Quốc Hưng
664.	Phạm Quốc Huy
665.	Phạm Sĩ Phương
666.	Phạm Tấn Bảo
667.	Phạm Thanh Lâm
668.	Phạm Thế Mạnh
669.	Phạm Thị Anh
670.	Phạm Thị Cẩm Tú
671.	Phạm Thị Cẩm Tú
672.	Phạm Thị Hòa
673.	Phạm Thị Hoài Hương
674.	Phạm Thị Kim Yến
675.	Phạm Thị Liên
676.	Phạm Thị Mỹ Thương
677.	Phạm Thị Phê
678.	Phạm Thị Quý Hiên
679.	Phạm Thị Thanh Thư
680.	Phạm Thị Thu Hằng
681.	Phạm Thị Thu Hương
682.	Phạm Thị Thu Loan
683.	Phạm Thị Thùy Dương
684.	Phạm Thị Thúy Hằng
685.	Phạm Thu Hiền
686.	Phạm Trần Thùy Vi
687.	Phạm Vân Anh
688.	Phạm Văn Bình
689.	Phạm Văn Cương
690.	Phạm Văn Hùng
691.	Phạm Văn Nghiêm
692.	Phạm Văn Phú Dương
693.	Phạm Văn Tài
694.	Phạm Văn Thắng
695.	Phạm Văn Thanh
696.	Phạm Văn Thuyết
697.	Phan Đình Tượng
698.	Phan Đình Vương
699.	Phan Hoàng Thắm
700.	Phan Hoàng Thúy Vy
701.	Phan Hoàng Trung Hiếu
702.	Phan Ngọc Châu
703.	Phan Ngọc Sơn
704.	Phan Nhất Long
705.	Phan Thanh Khương
706.	Phan Thành Phát
707.	Phan Thành Tâm
708.	Phan Thị Hoàng Nga
709.	Phan Thị Kim Ngân
710.	Phan Thị Lài
711.	Phan Thị Mỹ Nhiên
712.	Phan Thị Quyên
713.	Phan Thị Thúy Hoa
714.	Phan Trọng Chinh
715.	Phan Tuấn Anh

716.	Phan Văn Đạt
717.	Phan Văn Huy
718.	Phan Văn Sơn
719.	Phang Ngọc Trân
720.	Phùng Anh Minh
721.	Phùng Hà Tuyên
722.	Phùng Thị Thu Thủy
723.	Phùng Thị Yến
724.	Phùng Trọng Hiếu
725.	Phùng Trung Dũng
726.	Phùng Văn Dương
727.	Tạ Hữu Kiên
728.	Tạ Minh Anh
729.	Tạ Minh Phúc
730.	Tạ Quang Nam
731.	Tạ Văn Hiệu
732.	Tạ Văn Thành
733.	Tammy Thi Phan
734.	Tăng Mỹ Thuần
735.	Tăng Vũ Thăng
736.	Tất Thiệu Văn
737.	Thái Minh Hoàng
738.	Thái Thị Ngọc Duyên
739.	Thái Văn Được
740.	Thái Việt Nga
741.	Tô Quốc Cường
742.	Trần Bảo Hoàng
743.	Trần Bích Hạnh
744.	Trần Đăng Khoa
745.	Trần Diệu Oanh
746.	Trần Đình Bá
747.	Trần Đình Duy
748.	Trần Đỗ Ngọc Linh
749.	Trần Đức Nhàn
750.	Trần Dương
751.	Trần Gia Hân
752.	Trần Hà
753.	Trần Hoài Việt
754.	Trần Hoàng Việt
755.	Trần Hoàng Vũ
756.	Trần Hồng Phúc
757.	Trần Huyền Lê
758.	Trần Kiệt Lanh
759.	Trần Kim Huệ
760.	Trần Kim Sang
761.	Trần Lâm Anh Tuấn
762.	Trần Lâm Thành
763.	Trần Mạnh Cường
764.	Trần Minh Phận
765.	Trần Minh Phú
766.	Trần Minh Thiên
767.	Trần Minh Thư
768.	Trần Ngọc An
769.	Trần Nguyễn Bảo Khoa
770.	Trần Nguyễn Minh Hảo
771.	Trần Nguyễn Quang Bình
772.	Trần Nguyễn Vũ
773.	Trần Nhật Nha Trang
774.	Trần Phạm Thảo Vi
775.	Trần Phú Qui

776.	TrầN Quang Vinh
777.	Trần Quế Nhi
778.	Trần Quốc Anh
779.	Trần Quốc Bảo Thy
780.	Trần Quốc Cường
781.	Trần Sỹ Nam
782.	Trần Thanh Liên
783.	Trần Thanh Vinh
784.	Trần Thế Trọng
785.	Trần Thị Bích Thủy
786.	Trần Thị Bích Vân
787.	Trần Thị Cẩm Quyên
788.	Trần Thị Châu
789.	Trần Thị Diễm Thu
790.	Trần Thị Kim Tuyến
791.	Trần Thị Mai Lam
792.	Trần Thị Mỹ Huê
793.	Trần Thị Ngọc Trâm
794.	Trần Thị Ngọc Tuyền
795.	Trần Thị Ngọc Tuyền
796.	Trần Thị Phượng
797.	Trần Thị Phương Mai
798.	Trần Thị Thanh Dịu
799.	Trần Thị Thanh Hiền
800.	Trần Thị Thanh Huyền
801.	Trần Thị Thanh Tâm
802.	Trần Thị Thanh Xuân
803.	Trần Thị Thu Hà
804.	Trần Thị Thu Hường
805.	Trần Thị Thu Trang
806.	Trần Thị Việt Hà
807.	Trần Thị Xuân Hiếu
808.	Trần Thị Xuân Hương
809.	Trần Thị Yến Phi
810.	Trần Thiện Phương
811.	Trần Thu Phương
812.	Trần Thư Tín
813.	Trần Thuận Phong
814.	Trần Thục Bảo Trân
815.	Trần Thượng Trung
816.	Trần Thùy Chi
817.	Trần Thụy Quế Thanh
818.	Trần Tú Trinh
819.	Trần Tuấn Cường
820.	Trần Uyên Trâm
821.	Trần Văn Địch
822.	Trần Văn Đức
823.	Trần Văn Dương
824.	Trần Văn Hiển
825.	Trần Văn Lộc
826.	Trần Văn Na
827.	Trần Văn Nam
828.	Trần Văn Nghị
829.	Trần Văn Nguyện
830.	Trần Văn Sơn
831.	Trần Văn Tiên
832.	Trần Văn Tiến
833.	Trần Văn Tuấn
834.	Trần Vĩ Dân
835.	Trần Việt Hoàn Thiện

836.	Trần Vinh Hiển
837.	Trang Mỹ Khuôn
838.	Trang Ngọc Trâm
839.	Trang Ngọc Uyên Phương
840.	Trang Thanh Nguyên
841.	Trịnh Hữu Kiên
842.	Trịnh Hữu Vinh
843.	Trịnh Ngọc Đào
844.	Trịnh Quang Duy
845.	Trịnh Thị Lan
846.	Trương Bích Như
847.	Trương Công Thắng
848.	Trương Gia Huy
849.	Trương Hoàng Khánh
850.	Trương Hồng Quân
851.	Trương Minh Thắng
852.	Trương Minh Vũ
853.	Trương Ngọc Ánh
854.	Trương Nguyễn Anh Thy
855.	Trương Quốc Thanh
856.	Trương Quốc Toàn
857.	Trương Tấn Lực
858.	Trương Thị Hải Hòa
859.	Trương Thị Mỹ Hạnh
860.	Trương Thị Mỹ Ly
861.	Trương Thị Phương Nhu
862.	Trương Thị Thu Duyên
863.	Trương Thị Xuân Mai
864.	Trương Vĩnh Thịnh
865.	Võ Chí Sĩ
866.	Võ Hồ Ánh Thi
867.	Võ Khắc Trung
868.	Võ Minh Hoàng
869.	Võ Phạm Duy Phương
870.	Võ Phúc
871.	Võ Quang
872.	Võ Tá Anh
873.	Võ Tấn Công Danh
874.	Võ Thanh Liêm
875.	Võ Thành Tân
876.	Võ Thị Hồng Thủy
877.	Võ Thị Kim Thái
878.	Võ Thị Lệ Thu
879.	Võ Thị Thanh Trang
880.	Võ Thị Thùy Huyên
881.	Võ Trần Trọng Nhân
882.	Võ Văn Giàu
883.	Võ Văn Hoàng Đạt
884.	Voòng Sau Nhộc
885.	Vũ Đức Bình
886.	Vũ Đức Thuật
887.	Vũ Duy Sơn
888.	Vũ Hải Khương
889.	Vũ Hoàng Chương
890.	Vũ Minh Quân
891.	Vũ Quốc Trương
892.	Vũ Quốc Tuấn
893.	Vũ Thanh Bình
894.	Vũ Thanh Loan
895.	Vũ Thế Cường

896.	Vũ Thị Đông Hạ
897.	Vũ Thị Dung
898.	Vũ Thị Hằng
899.	Vũ Thị Hiên
900.	Vũ Thị Hiền
901.	Vũ Thị Kim Chi
902.	Vũ Thị Kim Ngân
903.	Vũ Thị Kim Thu
904.	Vũ Thị Lan
905.	Vũ Thị Mai Hương
906.	Vũ Thị Ngọc Bích
907.	Vũ Thị Thúy
908.	Vũ Thị Tươi
909.	Vũ Thụy Khanh
910.	Vũ Xuân Đạt
911.	Vương Dịu Ái
912.	Vương Minh Tân
913.	Vương Nguyễn Linh Chi
914.	Vương Trung Hiếu

BẢNG TÍNH SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA THEO CHƯƠNG TRÌNH ESOP

(kèm theo Danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số ..15../2025/NQ-HĐQT-MSC ngày 14./7../2025)

STT	Họ tên	Hệ số kết quả kinh doanh của công ty (a)	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (b)	Hệ số cấp bậc (c)	Hệ số công việc (d)	Hệ số kết quả công việc của cá nhân (e)	Số lượng ESOP được phân phối thêm (cổ phiếu) (g)	Số lượng ESOP tối đa được mua (= 5.257.247x a x b x c x d x e + g) (cổ phiếu)
1.	Biện Đình Thuần	0,88	0,73	0,00300	0,75	0,7800	0	5.927
2.	Bùi Chí Hiếu	0,78	0,73	0,00200	0,20	0,5070	0	607
3.	Bùi Đức Quý	0,60	0,65	0,00060	0,30	0,5280	0	194
4.	Bùi Duy Hiếu	0,88	0,82	0,00080	0,80	0,7174	0	1.741
5.	Bùi Hữu Phi	0,80	0,75	0,00800	0,75	0,5844	0	11.060
6.	Bùi Huy Nhích	0,88	0,80	0,00100	0,20	0,5970	0	441
7.	Bùi Long Quân	0,88	0,80	0,00070	0,30	0,5230	0	406
8.	Bùi Minh Phượng	0,88	0,88	0,00100	0,40	0,5760	0	938
9.	Bùi Nguyễn Huy Hoàng	0,75	0,75	0,00800	0,50	0,5113	0	6.048
10.	Bùi Nhật Thiên Trang	0,88	0,88	0,00080	0,20	0,5210	0	339
11.	Bùi Thanh Tuấn	0,88	0,75	0,00060	0,10	0,2550	0	53
12.	Bùi Thị Hồng	0,80	0,87	0,00080	0,30	0,5510	0	483
13.	Bùi Thị Kim Thoa	0,78	0,87	0,00060	0,10	0,5350	0	114
14.	Bùi Thị Kim Thúy	0,88	0,65	0,00200	0,40	0,6032	0	1.451
15.	Bùi Thị Mai	0,88	0,82	0,00060	0,10	0,2550	0	58
16.	Bùi Thị Thu Trang	0,88	0,82	0,00400	0,70	0,8443	0	8.968
17.	Bùi Thị Thủy	0,80	0,80	0,00100	0,15	0,6020	0	303
18.	Bùi Vân Hương	0,88	0,82	0,01000	0,90	0,8415	0	28.731
19.	Bùi Việt Hà	0,88	0,80	0,00600	0,60	0,5225	0	6.961
20.	Ca Hữu Phước	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5820	0	441
21.	Cầm Đình Hoan	0,88	0,80	0,00065	0,30	0,6040	0	435
22.	Cao Minh Châu	0,78	0,85	0,00200	0,20	0,5455	0	760
23.	Cao Phương Thanh	0,80	0,87	0,00100	0,95	0,9214	0	3.202
24.	Cao Thị Trang	0,88	0,80	0,00600	0,75	0,5354	0	8.917
25.	Cao Thúy Hạnh	0,88	0,82	0,00300	0,85	0,7538	0	7.292
26.	Cao Trần Đăng Khoa	0,70	0,85	0,00100	0,35	0,5590	0	612
27.	Cao Văn Thìn	0,80	0,73	0,00070	0,10	0,5500	0	118
28.	Cao Việt Cường	0,88	0,80	0,00100	0,75	0,7030	0	1.951
29.	Châu Huỳnh Lộc	0,88	0,80	0,00065	0,20	0,5260	0	253
30.	Châu Nguyên Tấn	0,80	0,75	0,00060	0,30	0,5350	0	303
31.	Chu Thành Đạt	0,70	0,73	0,00065	0,30	0,5550	0	290
32.	Chu Văn Hậu	0,70	0,82	0,00060	0,15	0,2660	0	72
33.	Đàm Thị Bích Thu	0,60	0,65	0,00060	0,40	0,5050	0	248
34.	Đặng Đức Biên	0,60	0,73	0,00060	0,25	0,5280	0	182
35.	Đặng Đức Đạt	0,80	0,75	0,00100	0,95	0,9400	0	2.816
36.	Đặng Huyền Trâm	0,88	0,88	0,00300	0,50	0,5548	0	3.388
37.	Đặng Long Vân	0,88	0,73	0,00100	0,50	0,5855	0	988
38.	Đặng Minh Tấn	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5370	0	407
39.	Đặng Ngọc Tuyết	0,88	0,82	0,00070	0,10	0,5080	0	134
40.	Đặng Thị Bạch Thu	0,88	0,82	0,00070	0,35	0,5000	0	464
41.	Đặng Thị Kiều Diễm	0,88	0,82	0,00070	0,15	0,5680	0	226
42.	Đặng Thị Kim Quý	0,88	0,73	0,00100	1,20	0,9105	0	3.689
43.	Đặng Thị Quỳnh Trang	0,88	0,88	0,00100	0,20	0,6150	0	500
44.	Đặng Thị Thu Hà	0,88	0,87	0,00070	0,10	0,6650	0	187
45.	Đặng Thị Thu Tuyết	0,80	0,70	0,00060	0,40	0,5210	0	368
46.	Đặng Thị Thục Vy	0,88	0,87	0,00100	0,20	0,5820	0	468
47.	Đặng Thị Trang	0,80	0,85	0,00060	0,85	0,8280	0	1.509

48.	Đặng Thị Trang Nhung	0,88	0,73	0,00065	0,20	0,6130	0	269
49.	Đặng Uẩn Anh	0,88	0,65	0,00060	0,50	0,5800	0	523
50.	Đặng Văn Đức Thắng	0,88	0,82	0,00200	0,60	0,5100	0	2.321
51.	Đặng Văn Toàn	0,80	0,75	0,00080	0,10	0,7060	0	178
52.	Đào Đức Cường	0,78	0,70	0,00100	0,60	0,6885	0	1.185
53.	Đào Thị Hồng Trang	0,70	0,73	0,00060	0,15	0,6480	0	156
54.	Đào Thị Thanh Hương	0,88	0,85	0,00600	1,00	1,1388	200.000	226.869
55.	Đào Văn Bầy	0,80	0,80	0,00070	0,90	0,8585	0	1.819
56.	Đào Xuân Hương	0,88	0,73	0,00065	0,20	0,5290	0	232
57.	De Abreu Moure Guilherme	0,88	0,80	0,01600	0,70	0,5230	0	21.679
58.	Đinh Công Ty	0,88	0,65	0,00060	1,00	0,8620	0	1.555
59.	Đinh Gia Khánh	0,88	0,80	0,00080	0,30	0,5130	0	455
60.	Đinh Hồng Vân	0,88	0,88	0,01200	1,20	0,9852	0	57.757
61.	Đinh Huỳnh Việt	0,88	0,87	0,00800	0,30	0,5591	0	5.400
62.	Đinh Sỹ Đạt	0,88	0,82	0,00200	0,30	0,6380	0	1.452
63.	Đinh Thị Ngọc Mỹ	0,88	0,87	0,00080	0,30	0,5440	0	525
64.	Đinh Thị Trúc Lam	0,65	0,80	0,00070	0,45	0,5500	0	473
65.	Đinh Viết Thịnh	0,88	0,82	0,00080	0,75	0,6378	0	1.451
66.	Đỗ Đình Dũng	0,88	0,80	0,00100	0,10	0,5000	0	185
67.	Đỗ Đức Huy	0,88	0,80	0,00070	0,30	0,5070	0	394
68.	Đỗ Duy Vương	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5870	0	445
69.	Đỗ Minh Trí	0,75	0,75	0,00060	0,20	0,6200	0	220
70.	Đỗ Ngọc Bảo	0,80	0,87	0,00400	0,75	0,8039	0	8.824
71.	Đỗ Ngọc Huyền	0,80	0,73	0,00070	0,10	0,6070	0	130
72.	Đỗ Phúc Nguyên	0,85	0,85	0,00060	0,85	0,8865	0	1.717
73.	Đỗ Phước Thiện	0,88	0,82	0,00100	1,00	0,9684	0	3.673
74.	Đỗ Tấn Chinh	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5570	0	507
75.	Đỗ Thanh Bình	0,88	0,82	0,00100	0,20	0,6080	0	461
76.	Đỗ Thị Hương	0,78	0,85	0,00070	0,55	0,5330	0	715
77.	Đỗ Thị Khánh Phương	0,88	0,87	0,00400	0,70	0,6556	0	7.388
78.	Đỗ Thị Ngọc Trâm	0,70	0,87	0,00100	0,90	0,8400	0	2.420
79.	Đỗ Thị Phương Chi	0,88	0,88	0,00100	0,75	0,5714	0	1.744
80.	Đỗ Thị Thanh Nhàn	0,80	0,85	0,00060	0,35	0,6240	0	468
81.	Đỗ Thị Thúy Quy	0,88	0,65	0,00100	1,00	0,9105	0	2.738
82.	Đỗ Thị Xuân Anh	0,88	0,82	0,00800	0,80	0,9596	0	23.298
83.	Đỗ Triết Nhân	0,88	0,82	0,00300	0,35	0,5143	0	2.048
84.	Đỗ Tuấn Tú	0,85	0,70	0,00060	0,80	0,8170	0	1.226
85.	Đỗ Văn Cường	0,80	0,95	0,00070	0,75	0,6920	0	1.451
86.	Đỗ Văn Đức	0,88	0,88	0,00100	0,35	0,6110	0	870
87.	Đỗ Văn Hà	0,78	0,70	0,00100	0,90	0,9320	0	2.407
88.	Đỗ Văn Quận	0,88	0,87	0,00200	0,80	0,6912	0	4.451
89.	Đoàn Kiệt Trung	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,6000	0	455
90.	Doãn Lâm Phương Ngọc	0,88	0,88	0,00300	0,75	0,8283	0	7.587
91.	Đoàn Minh Phong	0,88	0,80	0,00800	0,55	0,6045	0	9.844
92.	Đoàn Minh Quân	0,88	0,80	0,00080	0,40	0,6185	0	732
93.	Đoàn Ngọc Hà	0,88	0,73	0,00080	0,35	0,5700	0	539
94.	Đoàn Quang Nhật	0,65	0,65	0,00060	0,30	0,6300	0	251
95.	Đoàn Quang Vinh	0,88	0,88	0,00100	0,24	0,5150	0	503
96.	Đoàn Quốc Hưng	0,88	0,85	0,01600	0,90	0,8321	0	47.119
97.	Đoàn Thị Hà	0,88	0,95	0,00100	0,25	0,5700	0	626
98.	Đoàn Thị Kim Thoa	0,80	0,70	0,00200	0,80	0,6600	0	3.108
99.	Đoàn Thị Lan Hồng	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5260	0	478
100.	Đoàn Trọng Thuấn	0,88	0,82	0,00200	0,75	0,6387	0	3.634
101.	Đoàn Tùng Linh	0,88	0,88	0,00300	0,20	0,6214	0	1.517
102.	Đoàn Văn Trường	0,80	0,65	0,00300	0,20	0,5380	0	882
103.	Dương Anh Tuấn	0,88	0,80	0,00100	0,50	0,5855	0	1.083
104.	Dương Đình Bảo Nhân	0,88	0,73	0,00400	0,75	0,6871	0	6.961
105.	Dương Gia Hân	0,88	0,88	0,00060	0,15	0,6120	0	224
106.	Dương Mỹ Xuân	0,88	0,65	0,00300	0,90	0,8898	0	7.224
107.	Dương Quang Phẩm	0,88	0,82	0,00080	0,20	0,5500	0	333

108.	Dương Thị Hoàng Yến	0,88	0,95	0,00400	0,75	0,5915	0	7.799
109.	Dương Thị Hồng Vân	0,88	0,88	0,00800	0,40	0,5047	0	6.575
110.	Dương Thị Minh Hiền	0,70	0,80	0,00060	0,20	0,5750	0	203
111.	Dương Thị Ngọc Quyên	0,88	0,88	0,00200	0,75	0,6460	0	3.945
112.	Dương Thị Phương Hằng	0,88	0,82	0,00100	0,75	0,7357	0	2.093
113.	Dương Thị Tĩnh	0,80	0,85	0,00300	0,15	0,5145	0	827
114.	Dương Thị Yến Linh	0,88	0,82	0,00080	0,85	0,7875	0	2.031
115.	Dương Vũ Minh Hiền	0,88	0,87	0,00100	0,70	0,5151	0	1.451
116.	Dương Vũ Nhật Duy	0,88	0,82	0,00060	0,10	0,6400	0	145
117.	Dương Xuân Nhân	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5200	0	473
118.	Hà Huy Khánh	0,88	0,80	0,00100	0,40	0,5225	0	773
119.	Hà Ngọc Tâm	0,80	0,70	0,00100	0,80	0,8216	0	1.935
120.	Hà Tấn Nhất	0,80	0,75	0,00200	0,45	0,5940	0	1.686
121.	Hà Thị Hồng Trang	0,88	0,80	0,00100	0,25	0,5520	0	510
122.	Hà Thị Hương	0,88	0,95	0,01000	1,20	1,6534	380.000	467.201
123.	Hà Thị Nhung	0,80	0,87	0,00080	0,30	0,5140	0	451
124.	Hà Thị Quỳnh Nga	0,88	0,80	0,00200	0,45	0,5450	0	1.815
125.	Hồ An Hải	0,88	0,73	0,00200	0,75	0,7281	0	3.688
126.	Hồ Anh Vũ	0,80	0,75	0,00300	0,80	0,7014	0	5.309
127.	Hồ Đạo	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5840	0	531
128.	Hồ Đức Toàn	0,88	0,82	0,00200	0,60	0,6690	0	3.045
129.	Hồ Hạ Mai Trâm	0,88	0,73	0,00080	0,40	0,5280	0	570
130.	Hồ Ngọc An	0,70	0,73	0,00100	0,75	0,7205	0	1.451
131.	Hồ Ngọc Quang	0,88	0,82	0,00100	0,20	0,5650	0	428
132.	Hồ Ngọc Tiến Anh	0,88	0,80	0,00060	0,30	0,5670	0	377
133.	Hồ Nguyễn Phương Uyên	0,88	0,88	0,00400	0,75	0,7651	0	9.344
134.	Hồ Tân	0,80	0,85	0,00200	0,80	0,6123	0	3.502
135.	Hồ Thanh Hoàng	0,88	0,73	0,01000	0,40	0,5160	0	6.970
136.	Hồ Thị Ngọc Anh	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5710	0	519
137.	Hồ Thị Như Quỳnh	0,88	0,95	0,00070	0,10	0,5600	0	172
138.	Hồ Thị Thu Diệu	0,65	0,70	0,00065	0,40	0,5740	0	356
139.	Hồ Thị Thuỳ Linh	0,88	0,80	0,00070	0,40	0,5070	0	525
140.	Hồ Thủy Hạnh	0,88	0,87	0,01000	1,00	1,1794	250.000	297.470
141.	Hồ Xuân Bắc	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5910	0	448
142.	Hòa Quang Nam	0,80	0,75	0,00100	0,60	0,6270	0	1.186
143.	Hoàng Anh Tiến	0,80	0,75	0,00060	0,80	0,7645	0	1.157
144.	Hoàng Anh Tuấn	0,88	0,82	0,00400	0,70	0,6236	0	6.623
145.	Hoàng Bảo Hiếu	0,80	0,75	0,00060	0,30	0,5450	0	309
146.	Hoàng Khánh Linh	0,88	0,82	0,00080	0,80	0,6776	0	1.645
147.	Hoàng Lý Kim Yến	0,88	0,95	0,00060	0,50	0,5500	0	725
148.	Hoàng Nghĩa Cường	0,80	0,70	0,00100	0,20	0,6310	0	371
149.	Hoàng Quang Đạo	0,80	0,87	0,00600	0,70	0,6623	0	10.178
150.	Hoàng Thị Bích Thủy	0,88	0,73	0,00200	0,95	0,8296	0	5.323
151.	Hoàng Thị Hiên	0,88	0,73	0,00060	0,25	0,5430	0	275
152.	Hoàng Thị Hiền	0,77	0,73	0,00060	0,10	0,5150	0	91
153.	Hoàng Thị Huyền	0,88	0,73	0,00100	0,90	0,8105	0	2.463
154.	Hoàng Thị Ngọc	0,88	0,87	0,00080	0,30	0,5850	0	565
155.	Hoàng Thị Ngọc Lan	0,88	0,82	0,00100	0,30	0,6030	0	686
156.	Hoàng Thị Thủy Tiên	0,78	0,85	0,00070	0,35	0,5740	0	490
157.	Hoàng Tố Quyên	0,88	0,82	0,00200	0,70	0,6076	0	3.227
158.	Hoàng Trần Nhật Anh	0,88	0,82	0,00070	0,30	0,5350	0	426
159.	Hoàng Trung Hiếu	0,88	0,82	0,00100	0,90	0,7760	0	2.649
160.	Hoàng Trung Thông	0,88	0,82	0,00300	0,30	0,5605	0	1.913
161.	Hoàng Tuấn Hưng	0,88	0,73	0,00060	0,20	0,5680	0	230
162.	Hoàng Tùng Lâm	0,88	0,73	0,00600	0,25	0,5281	0	2.675
163.	Hứa Thị Hằng	0,88	0,82	0,00080	0,40	0,5450	0	661
164.	Hứa Thị Thu Thảo	0,88	0,80	0,00080	0,75	0,6665	0	1.480
165.	Huỳnh Công Hầu	0,78	0,70	0,00080	0,55	0,5010	0	632
166.	Huỳnh Công Hoàn	0,88	0,80	0,01000	0,70	0,7910	0	20.493
167.	Huỳnh Hồng Hà	0,88	0,82	0,00080	0,10	0,5270	0	159

168.	Huỳnh Hữu Hậu	0,88	0,80	0,00060	0,10	0,5150	0	114
169.	Huỳnh Lê Kim Lâm	0,88	0,82	0,00070	0,30	0,5920	0	471
170.	Huỳnh Lê Minh Nhựt	0,70	0,82	0,00060	0,15	0,2650	0	71
171.	Huỳnh Lương Việt	0,65	0,65	0,00065	0,15	0,5750	0	124
172.	Huỳnh Ngọc Bảo	0,88	0,73	0,01000	0,70	0,7480	0	17.683
173.	Huỳnh Nguyễn Hiếu Dân	0,88	0,80	0,00800	0,75	0,5900	0	13.101
174.	Huỳnh Phúc Sử	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5050	0	459
175.	Huỳnh Quốc Minh	0,80	0,87	0,00100	0,30	0,6380	0	700
176.	Huỳnh Tấn Vũ	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5990	0	545
177.	Huỳnh Thành Đô	0,88	0,87	0,00200	0,55	0,6556	0	2.902
178.	Huỳnh Thanh Quốc	0,88	0,87	0,00100	0,30	0,6415	0	774
179.	Huỳnh Thị Ánh Thư	0,88	0,87	0,00100	0,35	0,5875	0	827
180.	Huỳnh Thị Diệu Trang	0,88	0,88	0,00100	0,50	0,5350	0	1.089
181.	Huỳnh Thị Đoan Trang	0,88	0,95	0,00800	0,75	0,7682	0	20.257
182.	Huỳnh Thị Kim Anh	0,80	0,80	0,00100	1,00	0,8638	0	2.906
183.	Huỳnh Thị Nữ	0,65	0,65	0,00100	1,20	0,9190	0	2.449
184.	Huỳnh Thị Thanh Kiều	0,88	0,87	0,00400	0,75	0,7845	0	9.472
185.	Huỳnh Thị Thu Nhàn	0,88	0,80	0,00065	0,15	0,6100	0	220
186.	Huỳnh Thị Thùy Dương	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5530	0	419
187.	Huỳnh Thị Thùy Trang	0,88	0,80	0,00070	0,30	0,5280	0	410
188.	Huỳnh Thị Trúc Giang	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5450	0	496
189.	Huỳnh Thiện Nhân	0,88	0,73	0,00080	0,75	0,7315	0	1.482
190.	Huỳnh Thục Phương	0,88	0,95	0,00100	0,75	0,8805	0	2.902
191.	Huỳnh Trần Như Thảo	0,88	0,73	0,00200	0,75	0,5668	0	2.871
192.	Huỳnh Tuấn Kiệt	0,88	0,80	0,00060	0,10	0,3150	0	69
193.	Huỳnh Việt Thăng	0,88	0,90	0,01600	1,00	0,9815	0	65.387
194.	Huỳnh Yến Thanh	0,88	0,65	0,00060	0,10	0,2600	0	46
195.	Kaushal Agarwal	0,88	0,80	0,01000	0,69	0,2500	0	6.384
196.	Khưu Nguyễn Thị Minh Nhung	0,88	0,82	0,00065	0,25	0,5350	0	329
197.	Khưu Thị Mai Thu	0,88	0,82	0,00100	0,95	0,8773	0	3.161
198.	Kiều Trí Thịnh	0,88	0,82	0,00100	0,20	0,5580	0	423
199.	Lâm Hoàng Thái	0,88	0,82	0,00100	0,30	0,5860	0	666
200.	Lâm Minh Dũng	0,80	0,75	0,00600	0,70	0,5688	0	7.535
201.	Lâm Ngọc Phương	0,88	0,60	0,00060	0,25	0,5910	0	246
202.	Lâm Nguyễn Duy Anh	0,88	0,80	0,00060	0,20	0,6200	0	275
203.	Lâm Nguyễn Tú Linh	0,88	0,80	0,00070	0,30	0,5160	0	401
204.	Lâm Thanh Bình	0,88	0,82	0,00600	0,30	0,6118	0	4.177
205.	Lâm Thế Vinh	0,88	0,73	0,00100	0,30	0,5370	0	544
206.	Lâm Thị Lệ Sương	0,88	0,95	0,00400	0,70	0,7171	0	8.824
207.	Lâm Thư Lộc	0,88	0,82	0,00100	0,30	0,5660	0	644
208.	Lâm Tuấn Nghĩa	0,80	0,75	0,00800	0,30	0,5472	0	4.142
209.	Lâm Văn Chính	0,88	0,73	0,00200	0,70	0,5724	0	2.706
210.	Lê Anh Thoại	0,88	0,82	0,00060	0,10	0,7100	0	161
211.	Lê Cảnh Hạnh	0,80	0,70	0,00600	0,60	0,7333	0	7.771
212.	Lê Cao Long	0,88	0,65	0,00060	0,10	0,2600	0	46
213.	Lê Công Danh	0,88	0,82	0,00070	0,25	0,5030	0	333
214.	Lê Công Hậu	0,88	0,82	0,00080	0,75	0,6378	0	1.451
215.	Lê Diệu Quỳnh	0,88	0,80	0,00100	0,85	0,9225	0	2.902
216.	Lê Đình Bảo Châu	0,88	0,88	0,00600	0,10	0,6570	0	1.604
217.	Lê Đình Pháp	0,80	0,75	0,00060	0,30	0,5680	0	322
218.	Lê Đình Thịnh	0,88	0,80	0,00300	0,90	0,9386	0	9.379
219.	Lê Đình Thọ	0,88	0,65	0,00070	0,30	0,5480	0	346
220.	Lê Doãn Hải	0,88	0,82	0,00300	0,25	0,5560	0	1.581
221.	Lê Duy Hải	0,88	0,82	0,00080	0,35	0,5000	0	531
222.	Lê Hoàng Đệ	0,65	0,87	0,00300	0,75	0,7725	0	5.167
223.	Lê Hoàng Phúc	0,80	0,70	0,00600	0,75	0,6466	0	8.566
224.	Lê Hồng Phúc	0,88	0,82	0,00080	0,15	0,5570	0	253
225.	Lê Hùng Vương	0,88	0,82	0,00800	0,75	0,6391	0	14.547
226.	Lê Minh Chính	0,88	0,82	0,00060	0,15	0,2670	0	91

227.	Lê Minh Duy	0,88	0,82	0,00300	0,20	0,5615	0	1.278
228.	Lê Minh Tâm	0,88	0,80	0,00100	0,40	0,5145	0	761
229.	Lê Ngọc Chuyền	0,60	0,70	0,00400	0,80	0,9233	0	6.523
230.	Lê Ngọc Lâm	0,80	0,70	0,00100	0,90	0,8417	0	2.230
231.	Lê Ngọc Phương Linh	0,88	0,80	0,00070	0,80	0,7705	0	1.596
232.	Lê Ngọc Trang	0,88	0,82	0,00080	0,75	0,6775	0	1.542
233.	Lê Nguyễn Thành Vinh	0,88	0,82	0,00400	0,75	0,8945	0	10.180
234.	Lê Nguyễn Tuyết Hằng	0,88	0,88	0,00600	0,30	0,5665	0	4.151
235.	Lê Nhật Bằng	0,80	0,75	0,00065	0,25	0,5180	0	265
236.	Lê Nhật Duy	0,88	0,82	0,00060	0,15	0,5530	0	188
237.	Lê Phạm Hậu	0,80	0,75	0,00060	0,75	0,7155	0	1.015
238.	Lê Phương Minh Châu	0,88	0,88	0,00400	0,70	0,6442	0	7.343
239.	Lê Phương Thảo	0,88	0,82	0,00070	0,20	0,5980	0	317
240.	Lê Phương Tuyến	0,88	0,82	0,00100	0,30	0,5080	0	578
241.	Lê Quốc Huy	0,88	0,82	0,00080	0,40	0,5150	0	625
242.	Lê Tấn Bình	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5860	0	444
243.	Lê Tấn Phát	0,88	0,82	0,00080	0,40	0,5580	0	677
244.	Lê Tấn Thảo	0,88	0,95	0,00080	0,15	0,5110	0	269
245.	Lê Thái Toàn	0,88	0,82	0,00100	0,40	0,6140	0	931
246.	Lê Thanh Cường	0,80	0,75	0,00400	0,30	0,5195	0	1.966
247.	Lê Thành Long	0,88	0,87	0,00400	0,60	0,6013	0	5.808
248.	Lê Thanh Tân	0,88	0,82	0,00600	0,25	0,5000	0	2.845
249.	Lê Thị Ái Lan	0,88	0,87	0,00070	0,15	0,5260	0	222
250.	Lê Thị Bảo Khánh	0,88	0,88	0,00400	0,80	0,8059	0	10.499
251.	Lê Thị Diệu	0,80	0,70	0,00070	0,50	0,5480	0	564
252.	Lê Thị Đức	0,88	0,80	0,00080	0,15	0,5050	0	224
253.	Lê Thị Duyên	0,88	0,82	0,00200	0,75	0,6928	0	3.942
254.	Lê Thị Hoa	0,70	0,87	0,00065	0,20	0,5000	0	208
255.	Lê Thị Hoài	0,88	0,82	0,00600	0,35	0,5175	0	4.122
256.	Lê Thị Kim Khánh	0,88	0,80	0,00100	0,25	0,5020	0	464
257.	Lê Thị Kim Ngân	0,88	0,82	0,00060	0,10	0,5100	0	116
258.	Lê Thị Kim Thoa	0,88	0,95	0,00080	0,70	0,5896	0	1.451
259.	Lê Thị Lệ Quyên	0,65	0,87	0,00060	0,35	0,6170	0	385
260.	Lê Thị Loan	0,88	0,87	0,00070	0,20	0,5170	0	291
261.	Lê Thị Luyện	0,80	0,75	0,00065	0,80	0,7405	0	1.214
262.	Lê Thị Nga	0,88	0,90	0,01600	1,05	1,3973	380.000	477.742
263.	Lê Thị Ngoan	0,88	0,82	0,00070	0,15	0,6560	0	261
264.	Lê Thị Ngọc Trang	0,88	0,95	0,00100	0,50	0,5340	0	1.173
265.	Lê Thị Phương Thy	0,88	0,87	0,00600	0,75	0,7169	0	12.984
266.	Lê Thị Tâm	0,80	0,70	0,00080	0,90	0,7805	0	1.654
267.	Lê Thị Thanh Hằng	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5980	0	544
268.	Lê Thị Thanh Huyền	0,88	0,80	0,00070	0,20	0,5150	0	266
269.	Lê Thị Thanh Mai	0,88	0,80	0,00100	0,80	0,7350	0	2.176
270.	Lê Thị Thảo	0,80	0,70	0,00060	0,40	0,5340	0	377
271.	Lê Thị Thu	0,70	0,95	0,00100	0,90	0,7910	0	2.488
272.	Lê Thị Thu Hồng	0,88	0,73	0,00070	0,25	0,6000	0	354
273.	Lê Thị Thu Liên	0,88	0,65	0,00060	0,10	0,2550	0	46
274.	Lê Thị Trang	0,65	0,65	0,00065	0,65	0,5890	0	552
275.	Lê Thị Trọng Đoan	0,88	0,73	0,00400	0,75	0,7581	0	7.680
276.	Lê Thị Tường Vân	0,70	0,82	0,00065	0,35	0,5650	0	387
277.	Lê Thị Xuân Trang	0,80	0,70	0,00300	0,30	0,5005	0	1.326
278.	Lê Thuận	0,80	0,75	0,00065	0,45	0,6040	0	557
279.	Lê Thụy Nhật Linh	0,78	0,87	0,00200	0,80	0,6974	0	3.980
280.	Lê Tiến Nhật	0,88	0,82	0,00400	0,10	0,6845	0	1.038
281.	Lê Trọng Hà	0,88	0,82	0,00060	0,25	0,5800	0	330
282.	Lê Tử Huân	0,88	0,82	0,00200	0,65	0,6435	0	3.173
283.	Lê Văn An	0,80	0,87	0,00600	0,40	0,5816	0	5.107
284.	Lê Văn Chí	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5260	0	478
285.	Lê Văn Hải	0,88	0,82	0,00100	0,90	0,7935	0	2.709
286.	Lê Văn Lộc	0,80	0,75	0,00100	0,90	0,8145	0	2.312

287.	Lê Văn Minh	0,88	0,82	0,00100	0,90	0,8645	0	2.951
288.	Lê Văn Phú	0,80	0,75	0,00060	0,25	0,5970	0	282
289.	Lê Viết Bảo	0,80	0,70	0,00065	0,80	0,8530	0	1.305
290.	Liễu Huỳnh Duy Khanh	0,80	0,87	0,00100	0,35	0,5235	0	670
291.	Lư Mai Trang	0,88	0,80	0,00100	0,95	0,8540	0	3.002
292.	Lư Muối	0,88	0,87	0,00060	0,30	0,5050	0	365
293.	Lục Thế Quang	0,70	0,70	0,00100	0,75	0,8045	0	1.554
294.	Lương Minh Đức	0,70	0,73	0,00400	0,75	0,6409	0	5.165
295.	Lương Quốc Vinh	0,88	0,95	0,00100	0,20	0,5200	0	457
296.	Lương Thị Diễm Quỳnh	0,88	0,88	0,00100	0,80	0,8866	0	2.887
297.	Lương Thị Hảo	0,80	0,87	0,00070	0,30	0,5200	0	399
298.	Lương Thị Hoa	0,88	0,82	0,00100	0,30	0,5990	0	681
299.	Lương Thị Thương	0,70	0,70	0,00065	0,45	0,6260	0	471
300.	Lương Thu Phương	0,88	0,87	0,00100	0,75	0,7020	0	2.119
301.	Luong An Vinh	0,80	0,65	0,00800	0,10	0,5420	0	1.185
302.	Lương Võ Anh Tú	0,80	0,75	0,00060	0,30	0,5700	0	323
303.	Lưu Hưng Chương	0,88	0,82	0,00100	0,60	0,6585	0	1.498
304.	Lưu Như Ngọc	0,88	0,80	0,00300	0,40	0,5737	0	2.547
305.	Lưu Thị Lụa	0,70	0,65	0,00080	0,45	0,5460	0	470
306.	Lưu Thị Thu Hiền	0,70	0,80	0,00100	0,35	0,5440	0	560
307.	Lưu Văn Kiếm	0,88	0,82	0,00060	0,10	0,2500	0	56
308.	Lưu Văn Thắng	0,65	0,70	0,00300	0,35	0,5125	0	1.287
309.	Lý Ngọc Phương Thanh	0,88	0,95	0,00070	0,15	0,5600	0	258
310.	Lý Quang Nguyên	0,88	0,65	0,00070	0,55	0,5480	0	634
311.	Lý Thị Thanh Vân	0,88	0,87	0,00400	0,35	0,5376	0	3.029
312.	Mai Đức Lâm	0,70	0,73	0,01000	0,60	0,5273	0	8.499
313.	Mai Hồng Diễm	0,70	0,82	0,00080	0,20	0,5350	0	258
314.	Mai Lan Hương	0,88	0,88	0,00100	0,95	0,8790	0	3.399
315.	Mai Nhật Hiếu	0,80	0,75	0,00100	0,40	0,5750	0	725
316.	Mai Thị Bích Ngọc	0,88	0,80	0,00100	0,35	0,5320	0	689
317.	Mai Thị Phượng	0,88	0,87	0,00065	0,15	0,9040	0	354
318.	Mai Thị Thùy Trang	0,88	0,87	0,00060	0,15	0,6350	0	230
319.	Mai Văn Cường	0,88	0,87	0,00800	0,25	0,5299	0	4.265
320.	Ngô Anh Tuấn	0,70	0,82	0,00200	0,10	0,5610	0	338
321.	Ngô Cao Bảo	0,70	0,73	0,00400	0,80	0,7517	0	6.462
322.	Ngô Đức Thuận	0,70	0,73	0,00100	0,75	0,7205	0	1.451
323.	Ngô Thị Hồng Phượng	0,80	0,85	0,00060	0,15	0,5580	0	179
324.	Ngô Thị Thanh Vân	0,80	0,85	0,00065	0,35	0,5760	0	468
325.	Ngô Thị Thu	0,80	0,70	0,00060	0,40	0,5250	0	370
326.	Ngô Thị Thủy	0,88	0,73	0,00070	0,20	0,5750	0	271
327.	Ngô Thị Thùy Vy	0,88	0,87	0,00100	0,85	0,9170	0	3.137
328.	Ngô Trần Hữu Nghĩa	0,80	0,85	0,00070	1,00	0,8605	0	2.153
329.	Ngô Trí Hiếu	0,80	0,75	0,00060	0,30	0,5760	0	327
330.	Ngô Trung Kiên	0,80	0,75	0,00300	0,25	0,5405	0	1.278
331.	Ngô Tuấn Anh	0,80	0,75	0,00100	0,90	0,6974	0	1.979
332.	Ngô Văn Độ	0,80	0,75	0,00060	0,30	0,5740	0	325
333.	Ngô Vương Thanh Thảo	0,88	0,73	0,00100	0,30	0,6530	0	661
334.	Ngô Xuân Hưng	0,88	0,87	0,00400	0,75	0,5824	0	7.032
335.	Ngô Xuân Thìn	0,80	0,75	0,00100	0,20	0,5840	0	368
336.	Nguyễn An Lương	0,88	0,88	0,00060	0,15	0,2760	0	101
337.	Nguyễn Anh Khoa	0,78	0,70	0,00060	0,20	0,5930	0	204
338.	Nguyễn Anh Phú	0,60	0,70	0,00060	0,35	0,5600	0	259
339.	Nguyễn Anh Tuấn	0,88	0,82	0,00400	0,85	0,8696	0	11.216
340.	Nguyễn Bá Quân	0,88	0,80	0,00100	0,30	0,5960	0	661
341.	Nguyễn Bảo Phúc	0,80	0,75	0,00060	0,30	0,5030	0	285
342.	Nguyễn Cao Khải	0,88	0,82	0,00080	0,15	0,5980	0	272
343.	Nguyễn Công Dũng	0,80	0,75	0,00065	0,35	0,5900	0	423
344.	Nguyễn Công Sang	0,80	0,75	0,00060	0,30	0,5520	0	313
345.	Nguyễn Công Thành	0,80	0,70	0,00100	0,85	0,8143	0	2.037
346.	Nguyễn Công Thành	0,70	0,70	0,00060	0,10	0,3000	0	46

347.	Nguyễn Đăng Châu	0,80	0,70	0,00100	0,30	0,5420	0	478
348.	Nguyễn Đặng Hoàng Phúc	0,75	0,87	0,00200	0,40	0,5713	0	1.567
349.	Nguyễn Đăng Khoa	0,88	0,82	0,00400	0,50	0,6439	0	4.885
350.	Nguyễn Đạt Luân	0,80	0,70	0,00060	0,10	0,5050	0	89
351.	Nguyễn Đình Huân	0,65	0,65	0,00065	0,15	0,5750	0	124
352.	Nguyễn Đình Huy	0,88	0,80	0,00200	0,80	0,6686	0	3.959
353.	Nguyễn Đình Ninh	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5740	0	435
354.	Nguyễn Đình Quyết	0,88	0,82	0,00300	0,35	0,5585	0	2.224
355.	Nguyễn Đình Thành	0,88	0,82	0,00800	0,75	0,8227	0	18.726
356.	Nguyễn Đình Úy	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5430	0	494
357.	Nguyễn Đỗ Quỳnh Anh	0,88	0,80	0,00800	0,25	0,5380	0	3.982
358.	Nguyễn Đức Duy	0,78	0,65	0,00060	0,25	0,5100	0	203
359.	Nguyễn Đức Hậu	0,88	0,82	0,00060	0,25	0,5340	0	303
360.	Nguyễn Đức Khoa	0,88	0,82	0,00100	0,25	0,5850	0	554
361.	Nguyễn Đức Linh	0,88	0,82	0,00080	0,20	0,5850	0	355
362.	Nguyễn Đức Phú	0,88	0,80	0,00060	0,15	0,6540	0	217
363.	Nguyễn Dũng Đô	0,88	0,80	0,00600	0,85	0,8493	0	16.031
364.	Nguyễn Duy Kha	0,88	0,82	0,00080	0,35	0,5410	0	574
365.	Nguyễn Duy Khoa	0,88	0,82	0,00080	0,35	0,5650	0	600
366.	Nguyễn Duy Thọ	0,88	0,80	0,00100	0,30	0,6260	0	695
367.	Nguyễn Duy Tiến	0,88	0,82	0,00060	0,25	0,5330	0	303
368.	Nguyễn Hải Hoàn	0,80	0,75	0,00060	0,30	0,5310	0	301
369.	Nguyễn Hạnh Nghi	0,70	0,87	0,00300	0,75	0,5640	0	4.062
370.	Nguyễn Hồ Hải	0,88	0,82	0,00060	0,30	0,5200	0	355
371.	Nguyễn Hoài Linh	0,88	0,82	0,00080	0,75	0,6520	0	1.484
372.	Nguyễn Hoàng Tâm	0,88	0,87	0,00100	0,75	0,7580	0	2.288
373.	Nguyễn Hoàng Tuấn	0,88	0,95	0,00200	0,75	0,8791	0	5.795
374.	Nguyễn Hoàng Yến	0,88	0,90	0,01800	1,07	0,9879	0	79.223
375.	Nguyễn Hồng Hà	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5850	0	532
376.	Nguyễn Hồng Quang	0,60	0,70	0,00070	0,40	0,5400	0	333
377.	Nguyễn Hồng Thoại	0,70	0,87	0,00100	0,50	0,5450	0	872
378.	Nguyễn Hương Trà	0,88	0,80	0,00080	0,55	0,6150	0	1.001
379.	Nguyễn Hữu Chính	0,60	0,70	0,00400	0,25	0,5951	0	1.314
380.	Nguyễn Hữu Đông	0,78	0,70	0,00060	0,20	0,5850	0	201
381.	Nguyễn Hữu Hoàng	0,88	0,87	0,00400	0,15	0,6080	0	1.468
382.	Nguyễn Hữu Phước	0,88	0,80	0,00800	0,30	0,6403	0	5.687
383.	Nguyễn Hữu Sang	0,70	0,70	0,00060	0,20	0,6410	0	198
384.	Nguyễn Hữu Tài	0,65	0,65	0,00060	0,15	0,2610	0	52
385.	Nguyễn Hữu Tân	0,88	0,80	0,00060	0,15	0,5100	0	169
386.	Nguyễn Hữu Thiện	0,78	0,65	0,00080	0,40	0,5210	0	444
387.	Nguyễn Hữu Thịnh	0,88	0,82	0,00060	0,10	0,6160	0	140
388.	Nguyễn Huy Hùng	0,80	0,90	0,00800	0,70	0,9698	0	20.557
389.	Nguyễn Huỳnh Khánh Duyên	0,88	0,88	0,00080	0,35	0,5180	0	590
390.	Nguyễn Huỳnh Ngọc Tâm	0,88	0,73	0,00400	0,50	0,6034	0	4.075
391.	Nguyễn Huỳnh Thanh Tâm	0,80	0,87	0,00200	0,20	0,5610	0	821
392.	Nguyễn Khắc Hùng	0,88	0,73	0,00080	0,90	0,7160	0	1.741
393.	Nguyễn Khắc Huy	0,88	0,82	0,00060	0,15	0,5650	0	192
394.	Nguyễn Khắc Huy	0,88	0,82	0,00080	0,20	0,5110	0	310
395.	Nguyễn Khắc Phương	0,78	0,70	0,00070	0,15	0,5700	0	171
396.	Nguyễn Khánh Trình	0,88	0,80	0,00080	0,30	0,5700	0	506
397.	Nguyễn Khoa Hoàng Thắng	0,88	0,87	0,00060	0,10	0,5500	0	132
398.	Nguyễn Kỳ Anh	0,88	0,82	0,00800	0,30	0,6123	0	5.574
399.	Nguyễn Lan Hương	0,80	0,70	0,00060	0,80	0,8475	0	1.197
400.	Nguyễn Lê Anh Tú	0,88	0,82	0,00060	0,15	0,5250	0	179
401.	Nguyễn Lê Hoài Trâm	0,88	0,70	0,00060	0,10	0,2600	0	50
402.	Nguyễn Lê Khánh Linh	0,88	0,88	0,00100	0,20	0,5940	0	483
403.	Nguyễn Long Hiếu	0,88	0,82	0,00100	0,20	0,5200	0	394
404.	Nguyễn Mạnh Thắng	0,88	0,95	0,00080	0,40	0,6260	0	880
405.	Nguyễn Mạnh Trung	0,88	0,82	0,00080	0,35	0,5070	0	538

406.	Nguyễn Minh Đăng	0,88	0,65	0,00600	0,35	0,5525	0	3.489
407.	Nguyễn Minh Khai	0,65	0,70	0,00100	0,80	0,8450	0	1.617
408.	Nguyễn Minh Khương	0,88	0,73	0,00060	0,20	0,5900	0	239
409.	Nguyễn Minh Trí	0,88	0,73	0,01200	0,20	0,6203	0	5.027
410.	Nguyễn Minh Triết	0,88	0,82	0,00060	0,10	0,6150	0	139
411.	Nguyễn Minh Tuấn	0,80	0,60	0,00100	0,15	0,5800	0	219
412.	Nguyễn Ngân Hương	0,88	0,88	0,00100	0,10	0,5670	0	230
413.	Nguyễn Ngọc Anh Tú	0,88	0,80	0,00060	0,15	0,5920	0	197
414.	Nguyễn Ngọc Bích Hồng	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5420	0	493
415.	Nguyễn Ngọc Duy Ân	0,78	0,70	0,00065	0,90	0,8645	0	1.451
416.	Nguyễn Ngọc Hải	0,88	0,82	0,00060	0,10	0,6050	0	137
417.	Nguyễn Ngọc Hồng	0,88	0,87	0,00300	0,35	0,5407	0	2.285
418.	Nguyễn Ngọc Lan	0,88	0,88	0,00400	0,85	0,8018	0	11.098
419.	Nguyễn Ngọc Long	0,88	0,95	0,00400	0,80	0,7822	0	11.001
420.	Nguyễn Ngọc Long	0,88	0,80	0,00080	0,40	0,6100	0	722
421.	Nguyễn Ngọc Phương Toàn	0,88	0,82	0,00200	0,75	0,7606	0	4.328
422.	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	0,88	0,82	0,00100	0,20	0,5530	0	419
423.	Nguyễn Ngọc Sang	0,80	0,85	0,00065	0,15	0,2800	0	97
424.	Nguyễn Ngọc Sơn	0,88	0,95	0,00070	0,30	0,5110	0	471
425.	Nguyễn Ngọc Thân	0,65	0,65	0,00065	0,10	0,2750	0	39
426.	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	0,80	0,70	0,00070	0,90	0,7825	0	1.451
427.	Nguyễn Ngọc Thanh Vi	0,88	0,80	0,00060	0,15	0,5540	0	184
428.	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	0,88	0,95	0,00200	0,80	0,7735	0	5.439
429.	Nguyễn Ngọc Tiến	0,80	0,75	0,00600	0,50	0,5951	0	5.631
430.	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	0,88	0,88	0,00200	0,75	0,5539	0	3.382
431.	Nguyễn Nguyên Khang	0,88	0,82	0,00200	0,75	0,7314	0	4.161
432.	Nguyễn Nhật Quang	0,88	0,88	0,00080	0,30	0,5580	0	545
433.	Nguyễn Nhật Tường	0,88	0,82	0,00060	0,15	0,2980	0	101
434.	Nguyễn Phan Duy Nguyên	0,80	0,70	0,00060	0,10	0,7000	0	123
435.	Nguyễn Phấn Phú	0,88	0,73	0,00200	0,85	0,8348	0	4.792
436.	Nguyễn Phi Công	0,70	0,70	0,00200	0,90	0,7912	0	3.668
437.	Nguyễn Phi Giang	0,65	0,65	0,00060	0,15	0,5600	0	111
438.	Nguyễn Phi Hoàng Hạc	0,70	0,82	0,00080	0,35	0,5150	0	435
439.	Nguyễn Phúc Hậu	0,78	0,70	0,00800	0,80	0,7727	0	14.195
440.	Nguyễn Phước Thu Phương	0,88	0,82	0,00300	0,75	0,6711	0	5.728
441.	Nguyễn Phương Ngọc Hân	0,88	0,88	0,01000	0,40	0,6218	0	10.125
442.	Nguyễn Phương Viễn Vân	0,70	0,80	0,00100	0,40	0,5430	0	639
443.	Nguyễn Quang Dũng	0,80	0,75	0,00070	1,10	0,9315	0	2.262
444.	Nguyễn Quang Hải	0,88	0,82	0,00100	0,60	0,7315	0	1.665
445.	Nguyễn Quang Trung	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5320	0	403
446.	Nguyễn Quang Tuấn	0,88	0,82	0,00080	0,40	0,5770	0	700
447.	Nguyễn Quang Vinh	0,88	0,82	0,00080	0,15	0,5400	0	245
448.	Nguyễn Quốc Anh	0,88	0,82	0,00080	0,15	0,6040	0	274
449.	Nguyễn Quốc Chưởng	0,88	0,82	0,00300	0,35	0,5690	0	2.266
450.	Nguyễn Quốc Đạt	0,88	0,80	0,00600	0,90	0,8935	0	17.857
451.	Nguyễn Quốc Hoà	0,88	0,73	0,00200	0,75	0,8283	0	4.196
452.	Nguyễn Quốc Hòa	0,65	0,65	0,00080	0,25	0,5100	0	226
453.	Nguyễn Quốc Khánh	0,88	0,82	0,00400	0,80	0,8490	0	10.306
454.	Nguyễn Quốc Thiện Tâm	0,80	0,75	0,00100	1,00	0,8462	0	2.669
455.	Nguyễn Quốc Việt	0,80	0,70	0,00065	0,45	0,6200	0	533
456.	Nguyễn Ra Băng	0,88	0,87	0,00200	0,75	0,7217	0	4.357
457.	Nguyễn Sỹ Nguyên	0,88	0,82	0,00400	0,30	0,6040	0	2.749
458.	Nguyễn Tài Lộc	0,88	0,82	0,00070	0,15	0,5640	0	224
459.	Nguyễn Tấn Bình	0,88	0,82	0,00200	0,55	0,6233	0	2.601
460.	Nguyễn Tấn Định	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,6160	0	560
461.	Nguyễn Tấn Én	0,77	0,70	0,00200	0,90	0,7460	0	3.805
462.	Nguyễn Tân Kỳ	0,80	0,70	0,01000	0,50	0,6515	0	9.590
463.	Nguyễn Tấn Thành	0,80	0,75	0,01000	0,65	0,6499	0	13.325
464.	Nguyễn Tấn Toàn	0,65	0,65	0,00065	0,15	0,5750	0	124
465.	Nguyễn Thái Thanh Tâm	0,88	0,73	0,00080	0,30	0,5450	0	441

466.	Nguyễn Thanh Bình	0,65	0,65	0,00065	0,15	0,5750	0	124
467.	Nguyễn Thành Chung	0,88	0,82	0,00060	0,30	0,5650	0	385
468.	Nguyễn Thanh Hải	0,88	0,82	0,00200	0,80	0,6571	0	3.988
469.	Nguyễn Thanh Hòa	0,88	0,95	0,00600	0,65	0,5237	0	8.976
470.	Nguyễn Thanh Hoài	0,80	0,75	0,01000	0,65	0,5572	0	11.424
471.	Nguyễn Thành Luân	0,88	0,87	0,00800	0,75	0,5897	0	14.241
472.	Nguyễn Thành Phong	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5460	0	414
473.	Nguyễn Thanh Tâm	0,88	0,88	0,00100	0,20	0,5270	0	429
474.	Nguyễn Thanh Thủy	0,88	0,82	0,00300	0,75	0,7183	0	6.131
475.	Nguyễn Thành Trung	0,88	0,82	0,00400	0,20	0,5373	0	1.630
476.	Nguyễn Thanh Tú	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5100	0	464
477.	Nguyễn Thế Anh	0,88	0,73	0,00080	0,30	0,6090	0	493
478.	Nguyễn Thế Lực	0,88	0,82	0,00100	0,40	0,6340	0	962
479.	Nguyễn Thế Pháp	0,80	0,65	0,00060	0,45	0,5250	0	387
480.	Nguyễn Thế Phú	0,80	0,75	0,00100	0,25	0,5940	0	468
481.	Nguyễn Thị Ái Như	0,80	0,80	0,00065	0,60	0,5340	0	700
482.	Nguyễn Thị Ái Vân	0,88	0,95	0,00600	0,60	0,5636	0	8.917
483.	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	0,88	0,82	0,00200	0,65	0,6378	0	3.145
484.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	0,80	0,70	0,00300	0,20	0,6110	0	1.079
485.	Nguyễn Thị Bé Nhàn	0,88	0,80	0,00070	0,40	0,5540	0	574
486.	Nguyễn Thị Bích Chi	0,88	0,80	0,00200	0,30	0,5190	0	1.152
487.	Nguyễn Thị Bích Hạnh	0,88	0,82	0,00100	1,10	0,9420	0	3.930
488.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0,80	0,75	0,00060	0,10	0,7000	0	132
489.	Nguyễn Thị Bích Quyên	0,88	0,82	0,00070	0,30	0,5350	0	426
490.	Nguyễn Thị Bích Thủy	0,88	0,95	0,01200	1,20	1,5449	380.000	477.774
491.	Nguyễn Thị Bích Trâm	0,88	0,80	0,00070	0,40	0,5600	0	580
492.	Nguyễn Thị Cẩm Tuyên	0,88	0,88	0,00100	0,40	0,5835	0	950
493.	Nguyễn Thị Điệp	0,88	0,95	0,00060	0,60	0,6200	0	980
494.	Nguyễn Thị Diệu My	0,65	0,65	0,00060	0,15	0,5850	0	116
495.	Nguyễn Thị Hạnh Linh	0,88	0,80	0,00100	0,75	0,5230	0	1.451
496.	Nguyễn Thị Hiếu	0,88	0,80	0,00100	0,75	0,6550	0	1.818
497.	Nguyễn Thị Hoa	0,88	0,87	0,00400	0,75	0,5976	0	7.215
498.	Nguyễn Thị Hoàng Linh	0,88	0,88	0,00100	0,40	0,5853	0	953
499.	Nguyễn Thị Hồng	0,65	0,87	0,00065	0,30	0,6460	0	374
500.	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	0,80	0,70	0,00065	0,25	0,5030	0	240
501.	Nguyễn Thị Hồng Hiền	0,88	0,80	0,00100	0,25	0,5310	0	491
502.	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	0,80	0,87	0,00300	0,75	0,7345	0	6.047
503.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	0,88	0,73	0,00600	0,30	0,6010	0	3.653
504.	Nguyễn Thị Huệ	0,88	0,80	0,00100	0,85	0,7840	0	2.466
505.	Nguyễn Thị Hương	0,88	0,82	0,00065	0,15	0,5940	0	219
506.	Nguyễn Thị Huỳnh Như	0,88	0,82	0,00200	0,75	0,6303	0	3.586
507.	Nguyễn Thị Kiều Trâm	0,88	0,80	0,00060	0,50	0,5470	0	607
508.	Nguyễn Thị Kim Anh	0,88	0,95	0,00400	0,35	0,6214	0	3.823
509.	Nguyễn Thị Kim Thoa	0,80	0,70	0,00060	0,25	0,5120	0	226
510.	Nguyễn Thị Kim Tuyến	0,88	0,95	0,00200	0,80	0,7349	0	5.167
511.	Nguyễn Thị Lan Hương	0,88	0,87	0,00600	0,60	0,5888	0	8.531
512.	Nguyễn Thị Liên Nga	0,80	0,73	0,00070	1,10	0,9670	0	2.286
513.	Nguyễn Thị Mai	0,88	0,80	0,00300	0,35	0,5615	0	2.182
514.	Nguyễn Thị Mai	0,88	0,82	0,00200	0,70	0,6194	0	3.289
515.	Nguyễn Thị Mại	0,65	0,73	0,00100	0,90	0,8205	0	1.842
516.	Nguyễn Thị Mai Dung	0,88	0,87	0,00100	0,30	0,5495	0	663
517.	Nguyễn Thị Mai Trang	0,88	0,73	0,00200	0,80	0,6732	0	3.637
518.	Nguyễn Thị Minh Hương	0,88	0,82	0,00100	0,30	0,5530	0	629
519.	Nguyễn Thị Minh Ngọc	0,88	0,88	0,00100	0,60	0,6660	0	1.626
520.	Nguyễn Thị Mỹ	0,88	0,82	0,00200	0,75	0,6272	0	3.569
521.	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	0,88	0,82	0,00070	0,35	0,5310	0	493
522.	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	0,88	0,95	0,00070	0,35	0,5720	0	615
523.	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	0,88	0,80	0,00600	0,50	0,5618	0	6.237
524.	Nguyễn Thị Nga	0,88	0,73	0,00070	0,10	0,5900	0	139
525.	Nguyễn Thị Ngọc Bích	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5360	0	406

526.	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	0,88	0,82	0,00600	0,75	0,6328	0	10.802
527.	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	0,88	0,80	0,00080	0,90	0,9000	0	2.398
528.	Nguyễn Thị Ngọc Hân	0,80	0,70	0,00060	0,40	0,5710	0	403
529.	Nguyễn Thị Ngọc Sa	0,88	0,73	0,00060	0,30	0,5750	0	349
530.	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	0,88	0,87	0,00200	0,20	0,5090	0	819
531.	Nguyễn Thị Nhã Uyên	0,88	0,73	0,00070	0,25	0,5080	0	300
532.	Nguyễn Thị Phước Hằng	0,88	0,80	0,00400	0,30	0,6414	0	2.848
533.	Nguyễn Thị Phương	0,65	0,65	0,00300	0,25	0,6350	0	1.057
534.	Nguyễn Thị Phương Anh	0,88	0,65	0,00080	0,60	0,6680	0	964
535.	Nguyễn Thị Phương Thảo	0,88	0,82	0,00300	0,30	0,5240	0	1.789
536.	Nguyễn Thị Phương Trinh	0,88	0,80	0,00060	0,25	0,5280	0	293
537.	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	0,88	0,80	0,00070	0,85	0,8535	0	1.879
538.	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	0,88	0,88	0,00100	0,45	0,5465	0	1.001
539.	Nguyễn Thị Quỳnh Như	0,78	0,80	0,00300	0,30	0,5216	0	1.540
540.	Nguyễn Thị Sang	0,88	0,80	0,00100	0,30	0,6130	0	680
541.	Nguyễn Thị Thắm	0,60	0,70	0,00100	0,80	0,8320	0	1.469
542.	Nguyễn Thị Thanh	0,88	0,87	0,00300	0,75	0,7179	0	6.501
543.	Nguyễn Thị Thanh Dung	0,80	0,85	0,00100	0,80	0,7207	0	2.061
544.	Nguyễn Thị Thanh Hiền	0,80	0,70	0,00065	0,25	0,5400	0	258
545.	Nguyễn Thị Thanh Ngân	0,80	0,70	0,00100	0,90	0,7083	0	1.876
546.	Nguyễn Thị Thanh Thu	0,88	0,82	0,00100	0,30	0,5580	0	635
547.	Nguyễn Thị Thanh Trúc	0,88	0,73	0,00070	0,30	0,5070	0	359
548.	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	0,88	0,87	0,00070	0,30	0,5730	0	484
549.	Nguyễn Thị Thu	0,88	0,82	0,00100	0,95	0,9145	0	3.295
550.	Nguyễn Thị Thu	0,88	0,73	0,00070	0,30	0,5070	0	359
551.	Nguyễn Thị Thu Duyên	0,88	0,80	0,00200	0,75	0,6811	0	3.781
552.	Nguyễn Thị Thu Hiền	0,80	0,80	0,00200	0,75	0,8330	0	4.204
553.	Nguyễn Thị Thu Hoàn	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5410	0	410
554.	Nguyễn Thị Thu Thủy	0,88	0,65	0,00400	0,90	0,9536	0	10.323
555.	Nguyễn Thị Thu Trang	0,88	0,82	0,00070	0,30	0,5430	0	432
556.	Nguyễn Thị Thu Yến	0,88	0,80	0,00100	0,50	0,5410	0	1.001
557.	Nguyễn Thị Thùy	0,80	0,70	0,00200	0,85	0,8776	0	4.392
558.	Nguyễn Thị Thuý Hằng	0,88	0,80	0,00100	0,10	0,5330	0	197
559.	Nguyễn Thị Thủy Hằng	0,88	0,73	0,00300	0,65	0,6152	0	4.051
560.	Nguyễn Thị Thùy Linh	0,88	0,80	0,00100	0,55	0,6215	0	1.265
561.	Nguyễn Thị Thùy Linh	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5140	0	467
562.	Nguyễn Thị Thùy Linh	0,80	0,70	0,00060	0,35	0,5840	0	361
563.	Nguyễn Thị Thùy Trang	0,88	0,80	0,00070	0,10	0,5740	0	148
564.	Nguyễn Thị Tú Nguyên	0,88	0,65	0,00100	0,85	0,7946	0	2.031
565.	Nguyễn Thị Tú Quyên	0,88	0,82	0,00300	0,60	0,5323	0	3.634
566.	Nguyễn Thị Tường Vy	0,88	0,88	0,00400	0,35	0,5792	0	3.301
567.	Nguyễn Thị Tường Vy	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5700	0	518
568.	Nguyễn Thị Tường Vy	0,88	0,82	0,00200	0,70	0,6333	0	3.363
569.	Nguyễn Thị Tuyến	0,80	0,70	0,00060	0,40	0,5240	0	370
570.	Nguyễn Thị Tuyết Sương	0,70	0,70	0,00100	0,85	0,7425	0	1.625
571.	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0,70	0,73	0,00060	0,15	0,5280	0	127
572.	Nguyễn Thị Xanh	0,88	0,82	0,00060	0,30	0,5400	0	368
573.	Nguyễn Thị Xuân Yên	0,88	0,88	0,00400	0,75	0,6388	0	7.802
574.	Nguyễn Thiên Bửu	0,85	0,75	0,00200	0,85	0,7546	0	4.299
575.	Nguyễn Thiên Hương	0,80	0,80	0,00070	0,40	0,5700	0	536
576.	Nguyễn Thục Kỳ Mây	0,88	0,80	0,00100	0,85	0,8116	0	2.553
577.	Nguyễn Thùy Giao	0,88	0,88	0,00800	0,85	0,7309	0	20.234
578.	Nguyễn Thụy Hảo	0,80	0,80	0,00200	0,50	0,5261	0	1.770
579.	Nguyễn Trần Diễm Minh	0,88	0,87	0,00060	0,25	0,5770	0	348
580.	Nguyễn Trần Hồng Hạnh	0,80	0,73	0,00080	0,10	0,5300	0	130
581.	Nguyễn Trần Mỹ Tiên	0,88	0,82	0,00200	0,70	0,6060	0	3.218
582.	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	0,88	0,88	0,00100	0,30	0,5015	0	612
583.	Nguyễn Trí Cao Sơn	0,88	0,95	0,00065	0,15	0,2650	0	113
584.	Nguyễn Trọng Quý	0,70	0,70	0,00300	0,80	0,6797	0	4.202
585.	Nguyễn Trung	0,80	0,75	0,00300	0,20	0,6025	0	1.140

586.	Nguyễn Trung Đức	0,88	0,82	0,00080	0,20	0,5310	0	322
587.	Nguyễn Trung Hòa	0,70	0,80	0,00100	0,65	0,5250	0	1.004
588.	Nguyễn Trung Kiên	0,80	0,65	0,00200	0,20	0,5160	0	564
589.	Nguyễn Trung Kiên	0,77	0,75	0,00200	1,00	0,8222	0	4.992
590.	Nguyễn Trung Thạch	0,70	0,70	0,00100	0,80	0,7190	0	1.481
591.	Nguyễn Trung Thành	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5880	0	446
592.	Nguyễn Trương Kim Phượng	0,88	0,88	0,01200	0,90	0,7281	0	32.013
593.	Nguyễn Trường Sinh	0,88	0,82	0,00100	1,20	0,6376	0	2.902
594.	Nguyễn Trường Sinh	0,78	0,70	0,00060	0,40	0,5020	0	345
595.	Nguyễn Tuấn Huy	0,80	0,65	0,00065	0,40	0,5270	0	374
596.	Nguyễn Văn Anh Duy	0,88	0,88	0,00200	0,50	0,5980	0	2.434
597.	Nguyễn Văn Bình	0,88	0,80	0,00200	0,80	0,7060	0	4.180
598.	Nguyễn Văn Công	0,88	0,82	0,00100	0,90	0,8500	0	2.902
599.	Nguyễn Văn Đông	0,80	0,70	0,00200	0,30	0,5178	0	914
600.	Nguyễn Văn Du	0,77	0,70	0,00060	0,55	0,6220	0	581
601.	Nguyễn Văn Hà	0,80	0,75	0,00100	0,80	0,7466	0	1.884
602.	Nguyễn Văn Hải	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5450	0	496
603.	Nguyễn Văn Hóa	0,80	0,85	0,00060	0,25	0,5240	0	280
604.	Nguyễn Văn Hoàn	0,88	0,82	0,00300	0,85	0,8731	0	8.446
605.	Nguyễn Văn Hùng	0,70	0,70	0,00100	0,70	0,5930	0	1.069
606.	Nguyễn Văn Huy	0,60	0,70	0,00200	0,65	0,6655	0	1.910
607.	Nguyễn Văn Khoa	0,88	0,82	0,00100	0,95	0,9260	0	3.337
608.	Nguyễn Văn Long	0,88	0,82	0,00060	0,25	0,5660	0	322
609.	Nguyễn Văn Nam	0,80	0,70	0,00100	1,00	0,9610	0	2.829
610.	Nguyễn Văn Nhớ	0,65	0,65	0,00065	0,15	0,6450	0	139
611.	Nguyễn Văn Phú	0,80	0,65	0,00100	1,00	0,9735	0	2.661
612.	Nguyễn Văn Quận	0,88	0,82	0,00100	0,20	0,5950	0	451
613.	Nguyễn Văn Sinh	0,80	0,75	0,00060	0,35	0,5470	0	362
614.	Nguyễn Văn Tấn	0,80	0,75	0,00060	0,85	0,9470	0	1.523
615.	Nguyễn Văn Thắng	0,78	0,70	0,00100	0,15	0,6030	0	259
616.	Nguyễn Văn Thao	0,88	0,82	0,00100	0,75	0,8535	0	2.428
617.	Nguyễn Văn Thảo	0,88	0,82	0,00100	1,00	0,7589	0	2.878
618.	Nguyễn Văn Thi	0,70	0,70	0,00060	0,30	0,5080	0	235
619.	Nguyễn Văn Tường	0,80	0,73	0,00400	0,40	0,5642	0	2.771
620.	Nguyễn Văn Vinh	0,88	0,82	0,00100	0,95	0,9683	0	3.489
621.	Nguyễn Văn Vương	0,88	0,82	0,00400	0,25	0,5290	0	2.006
622.	Nguyễn Việt Bình	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5330	0	404
623.	Nguyễn Việt Cường	0,88	0,82	0,00300	0,40	0,5800	0	2.640
624.	Nguyễn Việt Hoàng	0,88	0,65	0,00060	0,15	0,5550	0	150
625.	Nguyễn Việt Quang	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5660	0	515
626.	Nguyễn Việt Trung	0,88	0,80	0,00600	0,30	0,5996	0	3.994
627.	Nguyễn Vũ Quang	0,88	0,73	0,00060	0,25	0,5640	0	285
628.	Nguyễn Vũ Quyền	0,88	0,73	0,00065	0,75	0,8295	0	1.365
629.	Nguyễn Vũ Tú Vy	0,88	0,95	0,00400	0,75	0,8393	0	11.066
630.	Nguyễn Xuân Chung	0,60	0,85	0,00100	0,40	0,6500	0	697
631.	Nguyễn Xuân Hà	0,88	0,82	0,00600	0,85	0,8048	0	15.570
632.	Nguyễn Xuân Nam	0,78	0,70	0,00070	0,50	0,5400	0	542
633.	Nguyễn Xuân Sáng	0,88	0,82	0,00060	0,30	0,5250	0	358
634.	Nguyễn Xuân Thành	0,88	0,82	0,00060	0,10	0,5850	0	133
635.	Nguyễn Ý Đạt Kim	0,88	0,88	0,00300	0,40	0,5942	0	2.902
636.	Nhâm Sỹ Quyền	0,78	0,70	0,00200	0,90	0,7922	0	4.093
637.	Ông Chí Cường	0,88	0,82	0,00100	0,30	0,5100	0	580
638.	Phạm Bùi Hoàng Long	0,80	0,70	0,00100	0,25	0,5500	0	404
639.	Phạm Chánh Tín	0,88	0,82	0,00060	0,20	0,5060	0	230
640.	Phạm Chiêu Linh	0,80	0,80	0,00065	0,30	0,6310	0	414
641.	Phạm Duy Khương	0,88	0,82	0,00080	0,15	0,6400	0	291
642.	Phạm Hoàng Khánh	0,88	0,80	0,00400	0,30	0,5906	0	2.623
643.	Phạm Hoàng Vũ	0,80	0,75	0,00060	0,25	0,5730	0	271
644.	Phạm Hồng Sơn	0,80	0,75	0,01800	1,40	0,9181	0	72.979
645.	Phạm Hữu Luyện	0,78	0,70	0,00200	0,25	0,5195	0	745

646.	Phạm Hữu Nhở	0,80	0,75	0,00300	0,20	0,6115	0	1.157
647.	Phạm Huy Lâm	0,60	0,70	0,00060	0,85	0,8100	0	912
648.	Phạm Huỳnh Hòa	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5630	0	512
649.	Phạm Lại Vũ Hoàng	0,80	0,70	0,00800	0,75	0,5906	0	10.432
650.	Phạm Minh Đức	0,80	0,75	0,00060	0,75	0,7360	0	1.044
651.	Phạm Minh Đức	0,78	0,70	0,00200	0,80	0,8466	0	3.888
652.	Phạm Minh Hòa	0,88	0,82	0,00060	0,30	0,5400	0	368
653.	Phạm Minh Quốc	0,88	0,80	0,00600	0,30	0,5343	0	3.559
654.	Phạm Minh Tuấn	0,88	0,82	0,00060	0,30	0,5000	0	341
655.	Phạm Ngọc Ân	0,80	0,75	0,00100	0,45	0,5530	0	784
656.	Phạm Ngọc Quỳnh Dung	0,88	0,88	0,00400	0,70	0,6390	0	7.284
657.	Phạm Ngọc Thủy	0,88	0,82	0,00100	0,50	0,5100	0	967
658.	Phạm Ngọc Trâm	0,88	0,88	0,00070	0,30	0,5220	0	446
659.	Phạm Nguyễn Yến Quỳnh	0,88	0,80	0,00065	0,75	0,8045	0	1.451
660.	Phạm Phú Vinh	0,65	0,70	0,00060	0,40	0,5460	0	313
661.	Phạm Quang Huy	0,88	0,80	0,00060	0,30	0,5350	0	356
662.	Phạm Quốc Cường	0,70	0,80	0,00060	0,40	0,5850	0	413
663.	Phạm Quốc Hưng	0,88	0,95	0,00080	0,45	0,5380	0	851
664.	Phạm Quốc Huy	0,88	0,82	0,01000	0,80	0,6676	0	20.261
665.	Phạm Sĩ Phương	0,88	0,80	0,00800	0,50	0,5354	0	7.926
666.	Phạm Tấn Bảo	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5230	0	396
667.	Phạm Thanh Lâm	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5240	0	397
668.	Phạm Thế Mạnh	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5570	0	507
669.	Phạm Thị Anh	0,88	0,80	0,01000	0,70	0,7630	0	19.767
670.	Phạm Thị Cẩm Tú	0,88	0,82	0,00100	0,60	0,8217	0	1.870
671.	Phạm Thị Cẩm Tú	0,88	0,73	0,00070	0,30	0,5520	0	391
672.	Phạm Thị Hóa	0,88	0,82	0,00200	0,70	0,6811	0	3.617
673.	Phạm Thị Hoài Hương	0,88	0,95	0,00100	0,85	0,9240	0	3.451
674.	Phạm Thị Kim Yến	0,80	0,70	0,00060	0,15	0,6300	0	166
675.	Phạm Thị Liền	0,88	0,80	0,00060	0,75	0,5575	0	928
676.	Phạm Thị Mỹ Thương	0,88	0,88	0,00100	0,45	0,5349	0	979
677.	Phạm Thị Phê	0,78	0,73	0,00060	0,20	0,5250	0	188
678.	Phạm Thị Quý Hiền	0,88	0,80	0,01000	0,90	0,9730	0	32.410
679.	Phạm Thị Thanh Thư	0,88	0,73	0,00100	0,80	0,6652	0	1.797
680.	Phạm Thị Thu Hằng	0,88	0,73	0,00200	0,85	0,9042	0	5.191
681.	Phạm Thị Thu Hương	0,60	0,87	0,00200	0,40	0,6620	0	1.453
682.	Phạm Thị Thu Loan	0,88	0,82	0,00070	0,10	0,5000	0	132
683.	Phạm Thị Thùy Dương	0,88	0,87	0,00800	0,30	0,5023	0	4.852
684.	Phạm Thị Thúy Hằng	0,88	0,65	0,00080	0,15	0,6000	0	216
685.	Phạm Thu Hiền	0,88	0,65	0,00065	0,10	0,6000	0	117
686.	Phạm Trần Thùy Vi	0,88	0,73	0,00060	0,50	0,6420	0	650
687.	Phạm Vân Anh	0,88	0,73	0,00070	0,20	0,6040	0	285
688.	Phạm Văn Bình	0,65	0,65	0,00065	0,25	0,5500	0	198
689.	Phạm Văn Cương	0,88	0,82	0,00100	0,90	0,7540	0	2.574
690.	Phạm Văn Hùng	0,88	0,95	0,00800	0,75	0,5330	300.000	314.055
691.	Phạm Văn Nghiêm	0,70	0,73	0,00065	0,40	0,6060	0	423
692.	Phạm Văn Phú Dương	0,70	0,73	0,00065	0,15	0,5250	0	137
693.	Phạm Văn Tài	0,80	0,75	0,00060	0,35	0,5420	0	359
694.	Phạm Văn Thắng	0,60	0,80	0,00200	0,80	0,7895	0	3.187
695.	Phạm Văn Thanh	0,88	0,80	0,00600	0,75	0,8741	0	14.558
696.	Phạm Văn Thuyết	0,60	0,73	0,00060	0,30	0,5330	0	220
697.	Phan Đình Tượng	0,80	0,70	0,00300	0,75	0,6293	0	4.168
698.	Phan Đình Vương	0,88	0,80	0,00300	0,70	0,5317	0	4.132
699.	Phan Hoàng Thắm	0,85	0,75	0,00100	0,90	0,7975	0	2.405
700.	Phan Hoàng Thúy Vy	0,88	0,80	0,00080	0,25	0,5420	0	401
701.	Phan Hoàng Trung Hiếu	0,70	0,73	0,00080	0,50	0,5820	0	625
702.	Phan Ngọc Châu	0,88	0,82	0,00300	0,85	0,7900	0	7.642
703.	Phan Ngọc Sơn	0,80	0,75	0,00200	0,60	0,5206	0	1.970
704.	Phan Nhất Long	0,78	0,85	0,00200	0,60	0,5755	0	2.407
705.	Phan Thanh Khương	0,88	0,82	0,00060	0,15	0,6270	0	214

706.	Phan Thành Phát	0,88	0,80	0,00100	0,50	0,5030	0	930
707.	Phan Thành Tâm	0,88	0,88	0,00800	0,70	0,5531	0	12.610
708.	Phan Thị Hoàng Nga	0,88	0,87	0,00200	0,70	0,5900	0	3.324
709.	Phan Thị Kim Ngân	0,88	0,82	0,00080	1,10	0,8695	0	2.902
710.	Phan Thị Lài	0,70	0,85	0,00100	0,75	0,7807	0	1.831
711.	Phan Thị Mỹ Nhiên	0,88	0,87	0,00300	0,30	0,5385	0	1.950
712.	Phan Thị Quyên	0,78	0,85	0,00070	0,45	0,6050	0	664
713.	Phan Thị Thúy Hoa	0,88	0,87	0,01000	0,90	0,7800	0	28.255
714.	Phan Trọng Chinh	0,88	0,88	0,00800	0,20	0,5693	0	3.708
715.	Phan Tuấn Anh	0,88	0,82	0,00100	0,90	0,8336	0	2.846
716.	Phan Văn Đạt	0,70	0,82	0,00060	0,15	0,6350	0	172
717.	Phan Văn Huy	0,80	0,75	0,00080	0,75	0,7670	0	1.451
718.	Phan Văn Sơn	0,88	0,82	0,00080	0,20	0,5450	0	330
719.	Phang Ngọc Trân	0,88	0,82	0,00100	0,50	0,6320	0	1.198
720.	Phùng Anh Minh	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5840	0	531
721.	Phùng Hà Tuyên	0,88	0,82	0,00100	0,60	0,6340	0	1.443
722.	Phùng Thị Thu Thủy	0,88	0,82	0,00080	0,75	0,6375	0	1.451
723.	Phùng Thị Yến	0,60	0,87	0,00200	0,75	0,5849	0	2.407
724.	Phùng Trọng Hiếu	0,80	0,75	0,00600	0,80	0,8530	0	12.915
725.	Phùng Trung Dũng	0,88	0,65	0,00600	0,35	0,5658	0	3.573
726.	Phùng Văn Dương	0,80	0,73	0,00200	0,25	0,5630	0	864
727.	Tạ Hữu Kiên	0,88	0,82	0,00080	1,00	0,9423	0	2.859
728.	Tạ Minh Anh	0,80	0,60	0,00400	0,10	0,5920	0	597
729.	Tạ Minh Phúc	0,88	0,82	0,00100	1,10	0,9248	0	3.859
730.	Tạ Quang Nam	0,80	0,70	0,00100	0,85	0,8360	0	2.092
731.	Tạ Văn Hiệu	0,65	0,65	0,00065	0,15	0,5750	0	124
732.	Tạ Văn Thành	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5910	0	538
733.	Tammy Thi Phan	0,80	0,60	0,00800	0,15	0,5465	0	1.654
734.	Tăng Mỹ Thuần	0,88	0,95	0,00070	0,20	0,5030	0	309
735.	Tăng Vũ Thắng	0,80	0,85	0,00070	0,30	0,6200	0	465
736.	Tất Thiệu Văn	0,88	0,82	0,00100	0,30	0,5460	0	621
737.	Thái Minh Hoàng	0,88	0,73	0,00200	0,95	0,8262	0	5.301
738.	Thái Thị Ngọc Duyên	0,88	0,88	0,00080	0,35	0,5215	0	594
739.	Thái Văn Được	0,88	0,80	0,00065	0,15	0,5500	0	198
740.	Thái Việt Nga	0,88	0,80	0,00300	0,40	0,5468	0	2.428
741.	Tô Quốc Cường	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5920	0	449
742.	Trần Bảo Hoàng	0,70	0,70	0,00200	0,30	0,5275	0	815
743.	Trần Bích Hạnh	0,88	0,82	0,00200	0,75	0,6224	0	3.541
744.	Trần Đăng Khoa	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5050	0	459
745.	Trần Diệu Oanh	0,88	0,80	0,00400	0,75	0,6509	0	7.227
746.	Trần Đình Bá	0,88	0,82	0,00060	0,25	0,5300	0	301
747.	Trần Đình Duy	0,88	0,80	0,00100	0,35	0,6040	0	782
748.	Trần Đỗ Ngọc Linh	0,88	0,82	0,00060	0,30	0,6380	0	435
749.	Trần Đức Nhàn	0,70	0,73	0,00200	0,15	0,6250	0	503
750.	Trần Dương	0,88	0,88	0,00100	0,40	0,6365	0	1.036
751.	Trần Gia Hân	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,6020	0	548
752.	Trần Hà	0,88	0,88	0,00100	0,60	0,7206	0	1.760
753.	Trần Hoài Việt	0,88	0,82	0,00400	0,30	0,5600	0	2.549
754.	Trần Hoàng Việt	0,88	0,80	0,00100	0,15	0,5750	0	319
755.	Trần Hoàng Vũ	0,80	0,65	0,00400	0,80	0,8376	0	7.327
756.	Trần Hồng Phúc	0,88	0,88	0,00080	0,35	0,5180	0	590
757.	Trần Huyền Lê	0,80	0,73	0,00070	0,15	0,5310	0	171
758.	Trần Kiệt Lanh	0,88	0,88	0,00080	0,20	0,5370	0	349
759.	Trần Kim Huệ	0,88	0,80	0,00100	0,15	0,5240	0	290
760.	Trần Kim Sang	0,80	0,65	0,00100	0,40	0,5630	0	615
761.	Trần Lâm Anh Tuấn	0,88	0,73	0,00800	0,20	0,5940	0	3.209
762.	Trần Lâm Thành	0,88	0,80	0,00800	0,30	0,5311	0	4.717
763.	Trần Mạnh Cường	0,80	0,75	0,01200	0,75	0,5462	0	15.506
764.	Trần Minh Phận	0,65	0,65	0,00065	0,15	0,6000	0	129
765.	Trần Minh Phú	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5840	0	531

766.	Trần Minh Thiên	0,80	0,75	0,00100	0,75	0,7090	0	1.677
767.	Trần Minh Thư	0,88	0,88	0,00060	0,25	0,5140	0	313
768.	Trần Ngọc Ân	0,88	0,82	0,00200	0,35	0,5265	0	1.398
769.	Trần Nguyễn Bảo Khoa	0,88	0,80	0,00065	0,10	0,5400	0	129
770.	Trần Nguyễn Minh Hảo	0,88	0,82	0,00200	0,75	0,6420	0	3.653
771.	Trần Nguyễn Quang Bình	0,88	0,82	0,00060	0,40	0,5460	0	497
772.	Trần Nguyễn Vũ	0,88	0,87	0,00600	0,70	0,6531	0	11.040
773.	Trần Nhật Nha Trang	0,88	0,95	0,00080	0,45	0,5440	0	860
774.	Trần Phạm Thảo Vi	0,88	0,87	0,00065	0,10	0,6920	0	181
775.	Trần Phú Quí	0,88	0,82	0,00070	0,30	0,5520	0	439
776.	TrầN Quang Vinh	0,88	0,82	0,00080	0,20	0,5160	0	313
777.	Trần Quế Nhi	0,88	0,87	0,00080	0,75	0,8241	0	1.990
778.	Trần Quốc Anh	0,65	0,70	0,00100	0,70	0,6985	0	1.169
779.	Trần Quốc Bảo Thy	0,88	0,70	0,00060	0,10	0,2600	0	50
780.	Trần Quốc Cường	0,80	0,87	0,00080	1,10	0,9785	0	3.150
781.	Trần Sỹ Nam	0,80	0,73	0,00060	0,20	0,5730	0	211
782.	Trần Thanh Liên	0,88	0,80	0,00080	0,55	0,5130	0	835
783.	Trần Thanh Vinh	0,88	0,82	0,00080	0,40	0,6240	0	757
784.	Trần Thế Trọng	0,88	0,88	0,00060	0,25	0,5200	0	317
785.	Trần Thị Bích Thủy	0,88	0,87	0,00300	0,35	0,5174	0	2.186
786.	Trần Thị Bích Vân	0,88	0,80	0,00065	0,35	0,5520	0	464
787.	Trần Thị Cẩm Quyên	0,80	0,70	0,00070	0,55	0,5530	0	626
788.	Trần Thị Châu	0,88	0,88	0,00800	0,85	0,8630	0	23.891
789.	Trần Thị Diễm Thu	0,88	0,87	0,00300	0,60	0,6121	0	4.434
790.	Trần Thị Kim Tuyến	0,80	0,75	0,00060	0,30	0,5240	0	297
791.	Trần Thị Mai Lam	0,80	0,87	0,00080	0,30	0,5030	0	441
792.	Trần Thị Mỹ Huê	0,80	0,87	0,00100	0,40	0,5015	0	734
793.	Trần Thị Ngọc Trâm	0,88	0,80	0,00200	0,70	0,6242	0	3.234
794.	Trần Thị Ngọc Tuyền	0,88	0,88	0,00400	0,75	0,6158	0	7.521
795.	Trần Thị Ngọc Tuyền	0,80	0,85	0,00600	0,80	0,8095	0	13.890
796.	Trần Thị Phượng	0,80	0,87	0,00080	0,85	0,9276	0	2.308
797.	Trần Thị Phương Mai	0,80	0,85	0,00060	0,25	0,5500	0	294
798.	Trần Thị Thanh Dịu	0,88	0,82	0,00200	0,60	0,6154	0	2.801
799.	Trần Thị Thanh Hiền	0,80	0,75	0,00100	0,80	0,6877	0	1.735
800.	Trần Thị Thanh Huyền	0,80	0,80	0,00300	0,80	0,8350	0	6.742
801.	Trần Thị Thanh Tâm	0,88	0,88	0,00200	0,25	0,5210	0	1.060
802.	Trần Thị Thanh Xuân	0,80	0,75	0,00060	0,30	0,5410	0	307
803.	Trần Thị Thu Hà	0,80	0,85	0,00060	0,30	0,5540	0	356
804.	Trần Thị Thu Hường	0,78	0,87	0,00600	0,50	0,6188	0	6.622
805.	Trần Thị Thu Trang	0,80	0,87	0,00300	0,80	0,8014	0	7.037
806.	Trần Thị Việt Hà	0,80	0,85	0,00100	0,30	0,6160	0	660
807.	Trần Thị Xuân Hiếu	0,88	0,88	0,00100	0,50	0,6360	0	1.294
808.	Trần Thị Xuân Hương	0,88	0,82	0,00070	0,10	0,2720	0	72
809.	Trần Thị Yến Phi	0,80	0,85	0,00065	0,85	0,9435	0	1.863
810.	Trần Thiện Phương	0,88	0,88	0,00100	0,25	0,5190	0	528
811.	Trần Thu Phương	0,88	0,82	0,00070	0,30	0,5740	0	457
812.	Trần Thư Tín	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5950	0	451
813.	Trần Thuận Phong	0,88	0,65	0,00100	0,30	0,5550	0	500
814.	Trần Thục Bảo Trân	0,88	0,82	0,00300	0,80	0,8787	0	8.000
815.	Trần Thượng Trung	0,80	0,75	0,00070	0,50	0,5470	0	603
816.	Trần Thùy Chi	0,88	0,88	0,00065	0,35	0,5570	0	515
817.	Trần Thụy Quế Thanh	0,88	0,73	0,00070	0,25	0,5500	0	325
818.	Trần Tú Trinh	0,88	0,88	0,00070	0,90	0,9064	0	2.324
819.	Trần Tuấn Cường	0,88	0,82	0,01200	1,10	0,5335	0	26.715
820.	Trần Uyên Trâm	0,88	0,87	0,00600	0,60	0,5918	0	8.575
821.	Trần Văn Địch	0,88	0,82	0,00080	0,35	0,5050	0	536
822.	Trần Văn Đức	0,70	0,70	0,00200	0,85	0,8890	0	3.893
823.	Trần Văn Dương	0,88	0,82	0,00080	1,00	0,8637	0	2.621
824.	Trần Văn Hiền	0,80	0,73	0,00060	0,10	0,6150	0	113
825.	Trần Văn Lộc	0,80	0,70	0,00070	0,90	0,9390	0	1.741

826.	Trần Văn Na	0,88	0,82	0,00100	0,35	0,5555	0	737
827.	Trần Văn Nam	0,88	0,82	0,00060	0,30	0,5000	0	341
828.	Trần Văn Nghị	0,80	0,65	0,00080	0,75	0,7975	0	1.308
829.	Trần Văn Nguyện	0,80	0,75	0,00100	0,40	0,5240	0	661
830.	Trần Văn Sơn	0,60	0,65	0,00065	0,30	0,6220	0	248
831.	Trần Văn Tiên	0,80	0,75	0,00400	0,40	0,5535	0	2.793
832.	Trần Văn Tiến	0,88	0,80	0,00060	0,30	0,5660	0	377
833.	Trần Văn Tuấn	0,70	0,82	0,00200	0,10	0,5690	0	343
834.	Trần Vĩ Dân	0,88	0,95	0,00100	0,60	0,7215	0	1.902
835.	Trần Việt Hoàn Thiện	0,88	0,82	0,00600	0,25	0,5403	0	3.074
836.	Trần Vinh Hiển	0,78	0,70	0,00080	0,60	0,5360	0	738
837.	Trang Mỹ Khuôn	0,88	0,87	0,00100	0,85	0,7790	0	2.665
838.	Trang Ngọc Trâm	0,88	0,73	0,00070	0,30	0,5000	0	354
839.	Trang Ngọc Uyên Phương	0,88	0,80	0,00600	0,60	0,6299	0	8.392
840.	Trang Thanh Nguyên	0,88	0,82	0,00300	0,20	0,5800	0	1.320
841.	Trịnh Hữu Kiên	0,88	0,82	0,00080	0,20	0,5360	0	325
842.	Trịnh Hữu Vinh	0,88	0,80	0,00100	0,30	0,5920	0	657
843.	Trịnh Ngọc Đào	0,77	0,75	0,00060	0,40	0,6110	0	445
844.	Trịnh Quang Duy	0,88	0,82	0,00080	0,45	0,6140	0	838
845.	Trịnh Thị Lan	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5100	0	464
846.	Trương Bích Như	0,88	0,87	0,00100	0,95	0,8937	0	3.417
847.	Trương Công Thắng	0,88	0,90	0,02000	1,00	0,7969	0	66.361
848.	Trương Gia Huy	0,88	0,85	0,00060	0,15	0,5150	0	182
849.	Trương Hoàng Khánh	0,88	0,82	0,00400	0,30	0,5218	0	2.375
850.	Trương Hồng Quân	0,88	0,80	0,00100	1,10	0,9478	0	3.858
851.	Trương Minh Thắng	0,88	0,95	0,00100	0,35	0,5705	0	877
852.	Trương Minh Vũ	0,88	0,82	0,00100	0,40	0,6250	0	948
853.	Trương Ngọc Ánh	0,78	0,73	0,00200	0,85	0,7484	0	3.808
854.	Trương Nguyễn Anh Thy	0,78	0,70	0,00070	0,45	0,5200	0	470
855.	Trương Quốc Thanh	0,88	0,82	0,00300	0,85	0,9090	0	8.793
856.	Trương Quốc Toàn	0,70	0,73	0,00060	0,15	0,2700	0	65
857.	Trương Tấn Lực	0,88	0,82	0,00080	0,35	0,5000	0	531
858.	Trương Thị Hải Hòa	0,88	0,82	0,00800	0,20	0,5553	0	3.370
859.	Trương Thị Mỹ Hạnh	0,88	0,80	0,00060	0,10	0,5550	0	123
860.	Trương Thị Mỹ Ly	0,88	0,87	0,00300	0,35	0,5570	0	2.353
861.	Trương Thị Phương Nhu	0,88	0,82	0,00100	0,40	0,5500	0	834
862.	Trương Thị Thu Duyên	0,88	0,80	0,00600	0,30	0,5384	0	3.586
863.	Trương Thị Xuân Mai	0,85	0,75	0,00065	0,65	0,6080	0	860
864.	Trương Vĩnh Thịnh	0,88	0,80	0,00070	0,10	0,6500	0	168
865.	Võ Chí Sĩ	0,88	0,80	0,00100	0,20	0,7110	0	526
866.	Võ Hồ Ánh Thi	0,85	0,65	0,00060	0,95	0,9475	0	1.568
867.	Võ Khắc Trung	0,88	0,73	0,00100	0,10	0,6600	0	222
868.	Võ Minh Hoàng	0,88	0,80	0,00400	0,85	0,9036	0	11.370
869.	Võ Phạm Duy Phương	0,65	0,65	0,00065	0,15	0,6150	0	133
870.	Võ Phúc	0,88	0,73	0,00100	0,30	0,6030	0	610
871.	Võ Quang	0,88	0,82	0,00060	0,20	0,5850	0	266
872.	Võ Tá Anh	0,88	0,82	0,00080	0,35	0,5710	0	606
873.	Võ Tấn Công Danh	0,70	0,65	0,00200	0,85	0,7850	0	3.192
874.	Võ Thanh Liêm	0,88	0,82	0,00080	0,80	0,7620	0	1.850
875.	Võ Thành Tân	0,88	0,87	0,00100	0,95	0,9255	0	3.538
876.	Võ Thị Hồng Thủy	0,88	0,88	0,00100	0,35	0,5935	0	845
877.	Võ Thị Kim Thái	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5240	0	397
878.	Võ Thị Lệ Thu	0,88	0,82	0,00060	0,15	0,6570	0	224
879.	Võ Thị Thanh Trang	0,88	0,82	0,00070	0,35	0,5000	0	464
880.	Võ Thị Thùy Huyên	0,88	0,82	0,00100	0,30	0,5790	0	658
881.	Võ Trần Trọng Nhân	0,88	0,87	0,00600	0,75	0,5193	0	9.405
882.	Võ Văn Giàu	0,80	0,75	0,00100	0,70	0,5780	0	1.276
883.	Võ Văn Hoàng Đạt	0,88	0,80	0,00070	0,30	0,6220	0	483
884.	Voòng Sau Nhộc	0,88	0,87	0,00100	0,30	0,5590	0	674
885.	Vũ Đức Bình	0,88	0,73	0,00300	0,40	0,5552	0	2.250

886.	Vũ Đức Thuật	0,70	0,73	0,00400	0,25	0,5553	0	1.491
887.	Vũ Duy Sơn	0,88	0,82	0,00100	0,80	0,8463	0	2.568
888.	Vũ Hải Khương	0,78	0,70	0,00300	0,90	0,9354	0	7.249
889.	Vũ Hoàng Chương	0,88	0,73	0,00060	0,10	0,7200	0	145
890.	Vũ Minh Quân	0,80	0,73	0,00300	0,75	0,7194	0	4.969
891.	Vũ Quốc Trương	0,88	0,82	0,00080	0,25	0,5780	0	438
892.	Vũ Quốc Tuấn	0,80	0,75	0,01200	1,30	0,8660	0	42.613
893.	Vũ Thanh Bình	0,88	0,80	0,00800	1,10	1,2370	300.000	340.288
894.	Vũ Thanh Loan	0,80	0,75	0,00100	0,30	0,5360	0	507
895.	Vũ Thế Cường	0,78	0,70	0,00060	0,35	0,5800	0	349
896.	Vũ Thị Đông Hạ	0,88	0,88	0,00200	0,20	0,5250	0	854
897.	Vũ Thị Dung	0,88	0,82	0,00200	0,80	0,6708	0	4.071
898.	Vũ Thị Hằng	0,65	0,70	0,00080	1,10	0,8860	0	1.865
899.	Vũ Thị Hiên	0,80	0,87	0,00080	0,35	0,5640	0	577
900.	Vũ Thị Hiền	0,88	0,80	0,00065	0,20	0,5440	0	261
901.	Vũ Thị Kim Chi	0,80	0,70	0,00070	0,40	0,5610	0	462
902.	Vũ Thị Kim Ngân	0,88	0,87	0,00060	0,20	0,5150	0	248
903.	Vũ Thị Kim Thu	0,88	0,82	0,00200	0,70	0,6375	0	3.385
904.	Vũ Thị Lan	0,80	0,73	0,00070	0,40	0,5100	0	438
905.	Vũ Thị Mai Hương	0,88	0,82	0,00400	0,75	0,5313	0	6.046
906.	Vũ Thị Ngọc Bích	0,88	0,73	0,00100	0,90	0,8767	0	2.664
907.	Vũ Thị Thúy	0,88	0,80	0,00065	0,85	0,8335	0	1.704
908.	Vũ Thị Tươi	0,88	0,82	0,00080	0,30	0,5930	0	539
909.	Vũ Thụy Khanh	0,88	0,80	0,00100	1,00	0,9560	0	3.538
910.	Vũ Xuân Đạt	0,78	0,70	0,00070	0,55	0,5250	0	580
911.	Vương Dịu Ái	0,88	0,80	0,00080	0,30	0,5440	0	483
912.	Vương Minh Tân	0,70	0,70	0,00065	0,35	0,5280	0	309
913.	Vương Nguyễn Linh Chi	0,88	0,88	0,00070	0,10	0,5750	0	163
914.	Vương Trung Hiếu	0,88	0,80	0,00070	0,10	0,6500	0	168
Tổng cộng								**5.256.000**